

【研究論著】 General Article

DOI:10.6163/TJEAS.202412_21(2).0002

越南近代學者對日本陽明學的認知及其來源

The Perceptions of Modern Vietnamese Scholars about Japanese Yomeigaku and their Origin *

阮英俊

Anh Tuấn NGUYỄN**

阮壽德

Thọ Đức NGUYỄN***

關鍵詞：陽明學、日本陽明學、近代越南、新書、明治維新

Keywords: Yangmingism, Japanese Yomeigaku, Modern Vietnam, New Books, Meiji Restoration

* 2023年9月5日收稿，2024年7月28日修訂完成，2024年10月7日通過刊登。

** 越南河內國家大學所屬社會科學與人文大學東方學系講師

Lecturer, Faculty of Oriental Studies, VNU Hanoi University of Social Sciences and Humanities

*** 越南外交學院國際政治與外交系講師

Lecturer, Faculty of International Politics and Diplomacy, The Diplomatic Academy of Vietnam

摘要

在越南沒有研究陽明學的傳統，儒教科舉制度被取消的背景下，提及到日本陽明學的著作突然在二十世紀上半葉的問世，是一個值得關注的現象。通過對這些著作的考察、綜述和分析，並將越南學者有關日本陽明學的知識置於當代學界對日本陽明學的研究和近代東亞地區的學術交流之背景中，本文已經概括了近代越南學者對日本陽明學的認知並指出其來源。

Abstract

The appearance of writings referring to Japanese Yomeigaku in Vietnam in the first half of the 20th century is a special phenomenon in the context that Vietnam had no tradition of Yangmingism and the Confucian examination system was abolished. By studying these writings and putting the information about Japanese Yomeigaku provided by Vietnamese scholars into the context of contemporary studies about Japanese Yomeigaku and intellectual exchanges in East Asia in the modern period, this article has generalized the perceptions of modern Vietnamese scholars about Japanese Yomeigaku and found out their origin.

壹、前言

當將越南儒學放置於東亞儒學的大背景下來看時，不難發現，中國、日本和韓國的儒學史上都曾經存在許多學派，而越南儒學史上基本上只有宋儒，陽明學等其他學派幾乎不見蹤影。¹在十五世紀至十九世紀這一段期間的越南儒學書籍中，很難找到任何專門研究陽明學派的哲學思想的專著或者一名能被視為這一學派的代表人物。然而，到了二十世紀上半葉，當儒教失去了官方思想地位，儒學科舉制度被取消時，在這一國家竟然出現了一系列著力研究陽明學思想的著作，如：〈王陽明學說及其略傳〉（楚狂，1924）、²〈王陽明之歷史〉（阮敦復，1926）、³《王陽明》（陳仲金，1940）、⁴《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》（陶貞一，1943）、⁵《王陽明：身世與學說》（潘文虎，1944）⁶等。值得一提的是，〈汗漫遊記〉（阮伯卓，1920）、⁷《日本維新三十年》（陶貞一，1936）⁸等著作還

¹ Nguyễn Kim Sơn: “Mấy đặc điểm của việc tiếp nhận Nho giáo ở Việt Nam, từ khởi nguồn tới đầu thế kỷ XX (tiếp theo),” *Tạp chí Triết học*, Tập 45, Số 2 (2/2017), tr. 64. 阮金山：〈儒教在越南的接受的若干特點：從啟始到二十世紀初期（下篇）〉，《哲學》，第45卷，第2期（2017年2月），頁64。Nguyen Kim Son: “Some Characteristics of the Integration of Confucianism in Vietnam, from the Beginning to the Early 20th Century (continued),” *Philosophy*, Vol. 45, No. 2 (February 2017), p. 64.

² 楚狂：〈王陽明學說及其略傳〉，《南風雜誌》，第40卷第79號（1924年1月），頁1-3。

³ Nguyễn Đôn Phục: “Lịch sử Vương Dương Minh,” *Tạp chí Nam phong*, Quyển 19, Số 108 (8/1926), tr. 143-153. 阮敦復：〈王陽明之歷史〉，《南風雜誌》，第19卷，第108期（1926年8月），頁143-153。Nguyen Don Phuc: “History of Wang Yangming,” *Nam Phong Journal*, Vol. 19, No. 108 (August 1926), pp. 143-153.

⁴ Trần Trọng Kim: *Vương Dương Minh* (Sài Gòn: Tân Việt, 1940). 陳仲金：《王陽明》（西貢：新越，1940年）。Tran Trong Kim: *Wang Yangming* (Saigon: Tan Viet, 1940).

⁵ Đào Trinh Nhất: *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết tri lương tri và tri hành hợp nhất* (Sài Gòn: Tân Việt, 1943). 陶貞一：《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》（西貢：新越，1943年）。Dao Trinh Nhat: *Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of “Good Conscience” and “The Unity of Knowledge and Action”* (Saigon: Tan Viet, 1943).

⁶ Phan Văn Hùm: *Vương Dương Minh: Thân thế và học thuyết* (Sài Gòn: Tân Việt, 1944). 潘文虎：《王陽明：身世與學說》（西貢：新越，1944年）。Phan Van Hum: *Wang Yangming: Life and Doctrine* (Saigon: Tan Viet, 1944).

⁷ Nguyễn Bá Trác: “Hạn mạn du ký,” *Tạp chí Nam phong*, Quyển 7, Số 39 (9/1920), tr. 219-232. 阮伯卓：〈汗漫遊記〉，《南風雜誌》，第7卷，第39期（1920年9月），頁219-232。Nguyen Ba Trac: “Stories of Travelling,” *Nam Phong Journal*, Vol. 7, No. 39 (September 1920), pp. 219-232.

⁸ Đào Trinh Nhất: *Nhật Bản duy tân 30 năm* (Huế: Impr. Đắc lập, 1936). 陶貞一：《日本維新三十年》（順化：得立印廠，1936年）。Dao Trinh Nhat: *Thirty Years of the Restoration of Japan* (Hue: Impr. Dac Lap, 1936).

特意介紹了在日本遠方的陽明學。這一現象使筆者既驚訝，又不免提出許多問題：二十世紀上半葉的越南學者為何注意到日本陽明學，並對日本陽明學深感興趣？他們如何認識和理解日本陽明學呢？他們的認知是建立在什麼基礎上的？他們對日本陽明學的認知在近代和當代東亞學術背景中具有什麼樣的地位和意義？在本文中，通過對二十世紀上半葉越南學者所提及到日本陽明學的著作進行考察、綜述和分析，並將他們對日本陽明學的認知置於越南當時的背景、近代東亞學術交流的情形和當代學界對日本陽明學的研究狀況中，筆者將試圖為上述這些問題提出初步的答案，並進而指出越南近代學者對日本陽明學的認知的來源。

貳、在當代學術背景中的二十世紀上半葉越南學者對日本陽明學的認知

一、二十世紀上半葉越南提及到日本陽明學的著作之概述

據筆者的考察，在二十世紀上半葉的越南，大概出現了九部在不同程度上提及到日本陽明學的著作。具體如下：

【表一】二十世紀前半葉在越南問世提及到日本陽明學之著作一覽表

序	題目	作者	來源	撰寫目的	提及程度
1	〈汗漫遊記〉	阮伯卓	《南風雜誌》第 39 號，1920 年	記錄在各國旅行中的見聞	非常簡短
2	《日本維新三十年》	陶貞一	順化：得立印館，1936 年	探索日本維新事業的道路及其成功的原因	相當具體
3	《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》	陶貞一	西貢：新越，1943 年	介紹在國外弘揚儒學卻在中國和越南尚未知名的王陽明的學說	相當具體

4	《王陽明》	陳仲金	西貢：新越， 1940 年	詳細地闡述王陽明的具有思想上和實行上的價值的學說，「幫助人們找到停泊之處而站穩腳步，並確定符合道理的進退，免得陷入危險之地」 ⁹	簡短
5	《國文周易演解》	潘佩珠	1937 年	不使「易學」以及「義、文、周、孔四位聖人的救時涉世之精妙智慧」成為「絕學」 ¹⁰	非常簡短
6	〈王陽明之歷史〉	阮敦復	《南風雜誌》 第 108 號， 1926 年	介紹在東亞地區有著巨大的影響力而在越南少人所知的王陽明	簡短
7	〈王陽明學說及其略傳〉	黎輿	《南風雜誌》 第 79 號， 1924 年	介紹王陽明的身世和學說（一個頗有價值，對日本維新深有影響卻在越南尚未得	簡短

⁹ Trần Trọng Kim: *Vương Dương Minh*, tr. 7. 陳仲金：《王陽明》，頁 7。Tran Trong Kim: *Wang Yangming*, p. 7.

¹⁰ Phan Bội Châu: *Quốc văn Chu Dịch diễn giải* (Hà Nội: NXB Văn học, 2010), tr. 12. 潘佩珠：《國文周易演解》（河內：文學出版社，2010 年），頁 12。Phan Boi Chau: *The Vietnamese Interpretation of Zhou Yi* (Hanoi: Literature Publishing House, 2010), p. 12.

				知的學說)	
8	〈日本之榜樣〉	范瓊	《南風雜誌》第 146 號，1930 年	以日本結合東（儒教）西文化的榜樣而指出振興民族的經驗	非常簡短
9	〈調停國學之案〉	阮仲述	《南風雜誌》第 167 號，1931 年	改正黎輿對「國學」的誤解，以便停止黎輿與潘瓌對國學的爭論	簡短

來源：筆者製表

據上面的表格，可以得出如下幾個結論：

第一、關於題目：沒有專門介紹或深入研究日本陽明學的著作。學者們都在廣泛的背景下提到日本陽明學，例如：關於日本的狀況（陶貞一）或者王陽明的學說（黎輿、阮敦復、陳仲金）。筆者認為，導致這一情況的原因可能有兩個：一是，越南學者對日本陽明學沒有很大興趣；二是，越南學者雖然對日本陽明學深感興趣，但是沒有足夠的資料進行闡述。其中，後者的可能性更高，因為若是越南學者對日本陽明學沒有興趣，他們絕不會多次提及到這一問題。另外，他們在其著作中都對陽明學做了高度評價並強調其對明治維新的作用，因此很難說他們對日本陽明學不感興趣。

第二、關於作者：學者們幾乎都有儒學學養的基礎，其中一些人物在儒教失去了官方地位、科舉制度被取消的背景下仍抱有復興儒教之心。這可是很容易理解的，因為在當時的學術背景下，若是對儒教並不在乎，他們絕不會用心去了解一個在越南未曾盛行的儒學流派。另外，若是沒有儒學的基礎知識，他們就無法解讀有關陽明學的思想並將其介紹給讀者。最有說服力的證據就是許多提及到日本陽明學的著作本來是專門研究王陽明學說的著作，其中有關日本陽明學的內容僅佔較小的篇幅，如：《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》（陶貞一）、《王陽明》（陳仲金）、〈王陽明之歷史〉（阮敦復）、〈王陽明學說及其略傳〉（楚狂）等。

【表二】二十世紀前半葉提及到日本陽明學的越南學者之儒學背景

作者	身世
陶貞一 (1900-1951)	曾從學東京義塾，於一九一五年參加鄉試 ¹¹
楚狂 (黎輿) (1884-1967)	「淵博的漢學學問」 ¹²
阮伯卓 (1881-1945)	於一九〇六年考中舉人 ¹³
阮敦復 (1878-1954)	於一九〇〇年參加鄉試，於一九〇六年考中秀才 ¹⁴
范瓊 (1892-1945)	「出身於儒學家庭」 ¹⁵
潘佩珠 (1867-1940)	於一九〇〇年考中解元， ¹⁶ 撰寫《孔學燈》

¹¹ Nguyễn Đình Chú: “Đào Trinh Nhất - Từ một nhà báo sáng danh đến một học giả khâm kính,” trong Chương Thâu, Đào Duy Mẫn (biên soạn) *Đào Trinh Nhất: Tuyển tập tác phẩm* (Hà Nội: NXB Lao động, 2012), tr. 1147. 阮廷注: 〈陶貞一: 從一位著名的記者到一位可敬之學者〉, 收入章收、陶維敏 (編): 《陶貞一之選集》 (河內: 勞動出版社, 2012 年), 頁 1147. Nguyen Dinh Chu: “Dao Trinh Nhat – From a Famous Journalist to a Respected Scholar” in Chuong Thau, Dao Duy Man (ed.): *The Selected Works of Dao Trinh Nhat* (Hanoi: Labor Publishing House, 2012), p. 1147.

¹² Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (chủ biên): *Từ điển văn học (bộ mới)* (Hà Nội: NXB Thế giới, 2004), tr. 819. 杜德曉、阮慧芝、馮文酒、陳友借 (主編): 《文學辭典 (新版)》 (河內: 世界出版社, 2004 年), 頁 819. Do Duc Hieu, Nguyen Hue Chi, Phung Van Tuu, Tran Huu Ta (ed.): *Dictionary of Literature (New Edition)* (Hanoi: Thế Giới Publishers, 2004), p. 819.

¹³ Võ Thị Thanh Tùng, Đặng Phan Quỳnh Dao: “Khát vọng canh tân đất nước của Nguyễn Bá Trác trong *Hạn mạn du kí*,” *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, Tập 17, Số 4 (4/2020), tr. 598. 武氏青松、鄧潘瓊瑤: 〈阮伯卓在《汗漫遊記》中的國家更新的渴望〉, 《胡志明市師範大學學報》, 第 17 卷, 第 4 期 (2020 年 4 月), 頁 598. Vo Thi Thanh Tung, Dang Phan Quynh Dao: “Nguyen Ba Trac’s Desire to Renew the Country in *Han Man Du Ki*,” *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, Vol. 17, No. 4 (April 2020), p. 598.

¹⁴ Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (chủ biên): *Từ điển văn học (bộ mới)*, tr. 1134. 杜德曉、阮慧芝、馮文酒、陳友借 (主編): 《文學辭典 (新版)》, 頁 1134. Do Duc Hieu, Nguyen Hue Chi, Phung Van Tuu, Tran Huu Ta (ed.): *Dictionary of Literature (New Edition)*, p. 1134.

¹⁵ Nguyễn Minh Tâm: “Quan niệm của Phạm Quỳnh về sứ mệnh của giới trí thức trong sự nghiệp phát triển văn hoá dân tộc,” *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Tập 56, Số 4C (8/2020), tr. 174. 阮明心: 〈范瓊有關知識界在民族文化發展事業上的使命之看法〉, 《芹苴大學學報》, 第 56 卷, 第 4C 期 (2020 年 8 月), 頁 174. Nguyen Minh Tam: “Pham Quynh’s Conception of Intellectuals’ Missions for the Development of Vietnamese National Culture,” *Can Tho University Journal of Science*, Vol. 56, No. 4C (August 2020), p. 174.

¹⁶ Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (chủ biên): *Từ điển văn học (bộ mới)*, tr. 1378. 杜德曉、阮慧芝、馮文酒、陳友借 (主編): 《文學辭典 (新版)》, 頁 1378. Do Duc Hieu, Nguyen Hue Chi, Phung Van Tuu, Tran Huu Ta (ed.): *Dictionary of Literature (New Edition)*, p. 1378.

	一書
陳仲金（1883-1953）	撰寫《儒教》一書
阮仲述（1883-1940）	「是一位學識淵博的儒者」、 ¹⁷ 「是舊學〔儒學〕中的一名大師」 ¹⁸

來源：筆者製表

第三、關於提及日本陽明學的程度：大部分著作僅相當簡短或非常簡短地提及到日本陽明學，相當具體地提及到這一學派的著作只有陶貞一的《王陽明》和《日本維新三十年》。然而，在此所謂「相當具體」的程度只是與其他著作中的幾行或者幾十行的篇幅相比，完全沒有達到一般研究論文的水平，更不能達到一部專門研究日本陽明學的專著。

第四、關於目的：如上述所說，由於有關著作不是專門研究日本陽明學，因此若是想知道越南學者們為何提及到日本陽明學，首先要了解他們編寫這些著作的總體目的，然後才能去尋找提及日本陽明學的具體目的。據上面的表格，可將筆者所考察的著作分為兩種：一是，佔多數的第一種集中於介紹王陽明的學說，有關日本陽明學的內容僅有補充性。這些著作一般都認為陽明學是儒學各派中頗有成就和價值的一派，然而這一學派在越南尚未得知，甚至並不存在，因此需要將其介紹給越南人，如：

像王陽明學說在思想上和實行上都具有價值的學問，難道讓其受到漠視而不仔細地研究。〔……〕陸王之學等其他學派之學無法存在。〔……〕一個學問不再存在，未必是因為其不良。只是情況、情勢所使然〔……〕因此我們將其展示出來，讓好學者們有了考究和判斷之處，避免錯誤。¹⁹

我讀王陽明之後有所收穫〔……〕如今將其進行補正、審查

¹⁷ Vũ Ngọc Phan: *Nhà văn hiện đại (quyển nhất)* (Sài Gòn: Thăng Long, 1960), tr. 157. 武玉潘：《現代作家（第一卷）》（西貢：昇龍，1960年），頁157。Vu Ngọc Phan: *Modern Writers (Vol. 1)* (Saigon: Thang Long, 1960), p. 157.

¹⁸ B.K.: “Bài diếu từ đọc thay mặt Hội Phật giáo Bắc Kỳ kính viếng ông Nguyễn Trọng Thuật,” *Đuốc tuệ*, Tập 6, Số 125 (2/1940), tr. 26. B.K.: 〈代表北圻佛教會敬致阮仲述先生之弔辭〉，《慧燭》，第6卷，第125期（1940年2月），頁26。B.K.: “The Eulogy Read on Behalf of the Buddhist Association in Northern Vietnam to Pay Tribute to Mr. Nguyen Trong Thuat,” *The Torch of Wisdom*, Vol. 6, No. 125 (February 1940), p. 26.

¹⁹ Trần Trọng Kim: *Vương Dương Minh*, tr. 5+7. 陳仲金：《王陽明》，頁5，7。Tran Trong Kim: *Wang Yangming*, pp. 5+7.

並編印成此書，為好學者介紹一位使儒道在國外大放異彩、名聲大噪而在中國和本邦從來少人得知的偉大思想家。²⁰

可見，在他們看來，日本陽明學就是陽明學在其出生地（中國）之外的成就的證明；二是，佔少數的第二種集中於介紹日本國情（尤其是日本當時的情況，包括維新事業在內），其中陽明學似乎是日本思想宗教中不可缺少的一部分。這一種的代表作是〈汗漫遊記〉（阮伯卓）和《日本維新三十年》（陶貞一）。

二、越南學者對日本陽明學的主要認知

由於有關著作中提及到日學陽明學的篇幅各所不同，因此越南學者所闡述的內容並不一致，他們的認知也有深淺之別。然而，他們之間也有一些共同關心的問題，具體如下：

（一）陽明學的特質

陶貞一、黎輿、阮敦復等學者都認為重視實行、實踐是陽明學的特質：陽明學「以良知為本，人的良知（即良心）一經過思考某件事而知道其是好的，是對的，就大膽地，毫無猶豫地去實行。就是一個熱愛實行，為人們陶煉出富足的實行精神的學說」，²¹「是大力實行之學」；²²「各個家都陶煉出自己的心性品格，爭取為社會帶來幸福之事做出貢獻」；²³「皆以實學的美點陶冶其品性，進謀社會之幸福」；²⁴「以實行為主，不解讀經典，也少於辯論，僅著重於制定大義並將其當作學習、行動的目的而已」。²⁵與

²⁰ Đào Trinh Nhất: *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết tri lương tri và tri hành hợp nhất*, tr. 9. 陶貞一：《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》，頁9。Đào Trinh Nhất: *Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of "Good Conscience" and "The Unity of Knowledge and Action"*, p. 9.

²¹ Đào Trinh Nhất: *Nhật Bản duy tân 30 năm* (Hà Nội, NXB Thế giới, 2015), tr. 346. 陶貞一：《日本維新三十年》（河內：世界出版社，2015年），頁346。Đào Trinh Nhất: *Thirty Years of the Restoration of Japan* (Hanoi: Thế Giới Publishers, 2015), p. 346.

²² Đào Trinh Nhất: *Nhật Bản duy tân 30 năm*, tr. 347. 陶貞一：《日本維新三十年》，頁347。Đào Trinh Nhất: *Thirty Years of the Restoration of Japan*, p. 347.

²³ Nguyễn Đôn Phục: "Lịch sử Vương Dương Minh," tr. 143. 阮敦復：〈王陽明之歷史〉，頁143。Nguyễn Đôn Phục: "History of Wang Yangming," p. 143.

²⁴ 楚狂：〈王陽明學說及其略傳〉，頁3。

²⁵ Nguyễn Trọng Thuật: "Điều đình cái án Quốc học," *Tạp chí Nam phong*, Quyển 29, Số 167 (11-12/1931), tr. 374. 阮仲述：〈調停國學之案〉，《南風雜誌》，第29卷，第167期（1931

此同時，陶貞一還強調陽明學派對維新和吸收西學的開放態度：「陽明這一儒家學派知道開國迎西，維新自強是緊急之事」、²⁶「後來拜讀那些談到王氏的思想或陳述日本維新史的外國書報，都讚頌王學這一儒家學派對日本維新的促成有著許多功績」。²⁷

（二）日本陽明學的譜系

這是許多越南學者提到的問題。然而，他們所列出的名單有所不同：

【表三】二十世紀前半葉越南學者所列出的日本陽明學之譜系

學者	日本陽明學之譜系
阮仲述	中江藤樹
陳仲金	中江藤樹、熊沢蕃山
阮伯卓	中江藤樹、熊沢蕃山、伊藤仁齋、荻生徂徠
黎輿	中江藤樹、熊沢蕃山、北島雪山、三宅石庵、西鄉隆盛
阮敦復	中江藤樹、熊沢蕃山、北島雪山、三宅石庵、西鄉隆盛、東鄉平八郎
陶貞一	中江藤樹、熊沢蕃山、梁川星巖、大塩平八郎、佐久間象山、吉田松陰、高杉晋作、西鄉隆盛、伊藤博文、井上馨、山縣有朋、桂太郎、横井小楠

來源：筆者製表

據上面的表格，可見中江藤樹、熊沢蕃山幾乎都出現於所有越南學者所列出的名單，其他人物僅出現於一兩位學者的名單。之所以如此，是因為著作中提到日本陽明學的篇幅差異很大，其中一些著作僅列出一兩位重要的人物（阮仲述、陳仲金），而另一些則提及到更多人物，以便體現日本陽明學從江戶時代至近代的源遠流長（陶貞一）。值得注意的是，陶貞一和阮敦復所列的名單裡出現了東鄉平八郎、伊藤博文、井上馨、山縣有

年 11-12 月），頁 374。Nguyen Trong Thuat: “Mediating the Case on National Studies,” *Nam Phong Journal*, Vol. 29, No. 167 (November-December 1931), p. 374.

²⁶ Đào Trinh Nhất: *Nhật Bản duy tân 30 năm*, tr. 348. 陶貞一：《日本維新三十年》，頁 348。Đào Trinh Nhất: *Thirty Years of the Restoration of Japan*, p. 348.

²⁷ Đào Trinh Nhất: *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết trí lương tri và tri hành hợp nhất*, tr. 8. 陶貞一：《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》，頁 8。Đào Trinh Nhất: *Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of “Good Conscience” and “The Unity of Knowledge and Action”*, p. 8.

朋、桂太郎等近代人物，而阮伯卓的名單裡又出現了兩位常被視為古學派的學者（伊藤仁齋、荻生徂徠）。另外，我們也特別注意陶貞一所肯定朱舜水為將陽明學傳入日本做出很大貢獻的觀點：

在日本擴展王學的事業中，有一部分是朱舜水的功勞，他是明朝遺臣的漢人，逃亡日本並於一六五七年入籍，傳播中國學術，尤其是王氏的「致良知」之學。²⁸

（三）日本人接受陽明學的態度

雖然越南學者所闡述的內容有所差異，他們所提出的觀點也有些質疑，但是他們基本上都一致認為日本人很熱情、積極地接受陽明學思想：「日本儒者卻喜出望外地歡迎」、²⁹「比起產生陽明思想的中國，日本更早期地歡迎這一思想」、³⁰「很多人聽了都喜歡極了，手舞足蹈，大喊大叫，就像撿到珍寶一樣」、³¹「日本士夫非常崇拜王學，以至於每個人的胸前都戴著一個跟手指一樣小的陽明雕像。每當拜訪朋友，談論學習時，都會先將陽明雕像放在高處，低著頭拜幾次，以示尊敬，然後才坐下來談話」、³²「日本於維新之前就重視王學」、³³「日本士夫有『一生低首拜陽明』一句，由此可見多麼崇拜陽明之說。甚至日本人的書法也大多學著陽明的風格，也

²⁸ Đào Trinh Nhất: *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết tri lương tri và tri hành hợp nhất*, tr. 239. 陶貞一：《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》，頁 239。Đào Trinh Nhất: *Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of "Good Conscience" and "The Unity of Knowledge and Action"*, p. 239.

²⁹ Đào Trinh Nhất: *Nhật Bản duy tân 30 năm*, tr. 346. 陶貞一：《日本維新三十年》，頁 346。Đào Trinh Nhất: *Thirty Years of the Restoration of Japan*, p. 346.

³⁰ Đào Trinh Nhất: *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết tri lương tri và tri hành hợp nhất*, tr. 238. 陶貞一：《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》，頁 238。Đào Trinh Nhất: *Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of "Good Conscience" and "The Unity of Knowledge and Action"*, p. 238.

³¹ Đào Trinh Nhất: *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết tri lương tri và tri hành hợp nhất*, tr. 238. 陶貞一：《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》，頁 238。Đào Trinh Nhất: *Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of "Good Conscience" and "The Unity of Knowledge and Action"*, p. 238.

³² Đào Trinh Nhất: *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết tri lương tri và tri hành hợp nhất*, tr. 239. 陶貞一：《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》，頁 239。Đào Trinh Nhất: *Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of "Good Conscience" and "The Unity of Knowledge and Action"*, p. 239.

³³ Phan Bội Châu: *Quốc văn Chu Dịch diễn giải*, tr. 353. 潘佩珠：《國文周易演解》，頁 353。Phan Bội Châu: *The Vietnamese Interpretation of Zhou Yi*, p. 353.

許也是出於對陽明人品和陽明學說的崇拜」；³⁴「中日各國大文學家皆奉之〔陽明〕為圭臬」、³⁵「這一以實行為主的學問符合於日本人的德性，所以他們非常崇拜」。³⁶

值得注意的是，除了描述日本接受陽明學的態度之外，一些學者還對中國和越南接受陽明學的態度提出評價：「漢人本身就不懂得珍惜和歡迎」、³⁷「中國、高麗和我邦越南緊守宋儒，一直崇尚科舉虛文而沉沒在軟弱之中」、³⁸「在南國，直到最近，仍然沒人得知」。³⁹這些評價的消極含義突出了針對越南儒者的帶有批判性的明顯對比。

（四）日本人接受陽明學的理由

關於日本人接受陽明學的理由，陳仲金、陶貞一等越南學者都一致認為這一學說的實用性是日本人喜愛而歡迎它的理由：

日本人之所以如此喜愛陽明，是因為發現陽明的思想學問很有毅力和實用性。尤其是重名譽、輕生死、崇尚信義和廉恥等特質都極為符合於日本人的武士道精神，因此陽明學更受歡迎而容易盛行。⁴⁰

日本人之所以喜愛王陽明之學，是因為這一學問很有實用性和毅力。尤其是上面已略述的泰州學派之學，卻又符合於日

³⁴ Nguyễn Đôn Phục: “Lịch sử Vương Dương Minh,” tr. 143. 阮敦復：〈王陽明之歷史〉，頁 143。Nguyen Don Phuc: “History of Wang Yangming,” p. 143.

³⁵ 楚狂：〈王陽明學說及其略傳〉，頁 1。

³⁶ Nguyễn Trọng Thuật: “Điều đình cái án Quốc học,” tr. 376. 阮仲述：〈調停國學之案〉，頁 376。Nguyen Trong Thuat: “Mediating the Case on National Studies,” p. 376.

³⁷ Đào Trinh Nhất: *Nhật Bản duy tân 30 năm*, tr. 346. 陶貞一：《日本維新三十年》，頁 346。Dao Trinh Nhat: *Thirty Years of the Restoration of Japan*, p. 346.

³⁸ Đào Trinh Nhất: *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết trí lương tri và tri hành hợp nhất*, tr. 14. 陶貞一：《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》，頁 14。Dao Trinh Nhat: *Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of “Good Conscience” and “The Unity of Knowledge and Action”*, p. 14.

³⁹ Phạm Quỳnh: “Gương nước Nhật,” *Tap chí Nam phong*, Quyển 26, Số 146 (1/1930), tr. 3. 范瓊：〈日本之榜樣〉，《南風雜誌》，第 26 卷，第 146 期（1930 年 1 月），頁 3。Pham Quynh: “The Model of Japan,” *Nam Phong Journal*, Vol. 26, No. 146 (January 1930), p. 3.

⁴⁰ Đào Trinh Nhất: *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết trí lương tri và tri hành hợp nhất*, tr. 239. 陶貞一：《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》，頁 239。Dao Trinh Nhat: *Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of “Good Conscience” and “The Unity of Knowledge and Action”*, p. 239.

本人的性格，所以才如此快速盛行。⁴¹

這些論述與越南學者對陽明學所提出的重實行、實踐的特質有著明確的呼應。

(五) 陽明學的影響

從越南學者對日本人接受陽明學的態度與理由的認知，不難理解他們為何強調陽明學在日本的深遠影響。具體而言，為了描述這一影響，他們不但以一些籠統的詞語來表述，如：「〔陽明思想〕在日本有著極為深遠的影響」、⁴²「唯有先生〔陽明〕的學說盛行於日本一帶」、⁴³「這一派〔陽明派〕和剛剛崛起的國學派一起盛行」，⁴⁴而且還用了一些相當具體的形象來描述：「幾乎全日本都知道王學」、⁴⁵「如今，有教育的日本人沒幾個人不讀陽明的書」。⁴⁶

(六) 陽明學對明治維新的作用

陽明學對明治維新的作用是幾乎所有越南學者提及到日本陽明學的著作（九部之七）都關注的問題。不僅如此，這些著作都對這一點有著積極的評價，它們認為陽明學是明治維新的思想動力，而這一派的人物就是為近代日本的維新事業的成功作出了重要貢獻。前者的代表作是陶貞一、陳仲金的著作：

唯有日本才能如今維新自強起來，那是因為他們本來就有了什麼苗子或種子？〔……〕他們懂得斟酌隨時而接受王陽明

⁴¹ Trần Trọng Kim: *Vương Dương Minh*, tr. 90. 陳仲金：《王陽明》，頁 90。Tran Trong Kim: *Wang Yangming*, p. 90.

⁴² Phạm Quỳnh: “*Giương nước Nhật*,” tr. 3. 范瓊：〈日本之榜樣〉，頁 3。Pham Quynh: “*The Model of Japan*,” p. 3.

⁴³ Nguyễn Đôn Phục: “*Lịch sử Vương Dương Minh*,” tr. 143. 阮敦復：〈王陽明之歷史〉，頁 143。Nguyen Don Phục: “*History of Wang Yangming*,” p. 143.

⁴⁴ Nguyễn Trọng Thuật: “*Điều đình cái án Quốc học*,” tr. 376. 阮仲述：〈調停國學之案〉，頁 376。Nguyen Trong Thuat: “*Mediating the Case on National Studies*,” p. 376.

⁴⁵ Đào Trinh Nhất: *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết tri lương tri và tri hành hợp nhất*, tr. 239. 陶貞一：《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》，頁 239。Dao Trinh Nhat: *Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of “Good Conscience” and “The Unity of Knowledge and Action”*, p. 239.

⁴⁶ Trần Trọng Kim: *Vương Dương Minh*, tr. 90. 陳仲金：《王陽明》，頁 90。Tran Trong Kim: *Wang Yangming*, p. 90.

的「知行合一」和「明心見智」之學。⁴⁷

日本民族懂得迎接西方的學術和文化〔……〕對於這一點，儒教起了很大的作用，尤其是陽明學說的儒教思想。⁴⁸

日本人懂得接受王陽明的學說，因此後來他們能夠隨時改革而富強起來〔……〕。⁴⁹

陽明學幫助了日本人維新強大。⁵⁰

王陽明之學〔……〕在明治時代之前的維新時期取得了很好的效果。⁵¹

後者的代表作是陶貞一、潘佩珠、阮敦復、黎輿、阮仲述的著作：

橫井小楠、佐久間象山、吉田松陰、西鄉隆盛等對維新事業有著巨大貢獻的豪傑儒者都是陽明學派之人。⁵²

陽明學已培養出了一些幫助明治維新迅速取得成果的剛毅、識時務的儒者。大塩平八郎、梁川星巖、佐久間象山、吉田松陰、高杉晋作等日本維新時期最為得力的先驅者們都是王學大師。那時最有英雄功業的西鄉隆盛也是一位很得力於王學的人。伊藤博文、井上馨、山縣有朋、桂太郎等後來崛起

⁴⁷ Đào Trinh Nhất: *Nhật Bản duy tân 30 năm*, tr. 22-23. 陶貞一：《日本維新三十年》，頁 22-23。 Dao Trinh Nhat: *Thirty Years of the Restoration of Japan*, pp. 22-23.

⁴⁸ Đào Trinh Nhất: *Nhật Bản duy tân 30 năm*, tr. 348. 陶貞一：《日本維新三十年》，頁 348。 Dao Trinh Nhat: *Thirty Years of the Restoration of Japan*, p. 348.

⁴⁹ Đào Trinh Nhất: *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết trí lương tri và tri hành hợp nhất*, tr. 14. 陶貞一：《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》，頁 14。 Dao Trinh Nhat: *Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of "Good Conscience" and "The Unity of Knowledge and Action"*, p. 14.

⁵⁰ Đào Trinh Nhất: *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết trí lương tri và tri hành hợp nhất*, tr. 236. 陶貞一：《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》，頁 236。 Dao Trinh Nhat: *Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of "Good Conscience" and "The Unity of Knowledge and Action"*, p. 236.

⁵¹ Trần Trọng Kim: *Vương Dương Minh*, tr. 90. 陳仲金：《王陽明》，頁 90。 Tran Trong Kim: *Wang Yangming*, p. 90.

⁵² Đào Trinh Nhất: *Nhật Bản duy tân 30 năm*, tr. 347. 陶貞一：《日本維新三十年》，頁 347。 Dao Trinh Nhat: *Thirty Years of the Restoration of Japan*, p. 347.

的英才都是吉田松陰的門人，即是來源於王學。⁵³

所有為維新事業做出了巨大貢獻的志士都是王學子弟。⁵⁴

維新前後近百年的英傑大半是出於陽明學派的。⁵⁵

維新前後諸英傑皆從陽明學得其津梁。成為偉大人物者不乏其人也。⁵⁶

這一派和剛剛崛起的國學派一起盛行，又遇到了來自泰西的新學，備有的人才出來擔當而扶助維新事業取得成功。⁵⁷

【表四】越南近代學者提及到日本陽明學的著作之內容分析表

序	題目	特質	譜系	接受態度	接受理由	影響	對明治維新的作用
1	〈汗漫遊記〉		X				
2	《日本維新三十年》	X	X	X			X
3	《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》		X	X	X	X	X
4	《王陽明》		X		X	X	X
5	《國文周易演解》			X			X
6	〈王陽明之歷史〉	X	X	X		X	X
7	〈王陽明學說及其略傳〉	X	X	X			X

⁵³ Đào Trinh Nhất: *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết tri lương tri và tri hành hợp nhất*, tr. 240. 陶貞一：《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》，頁 240。Dao Trinh Nhat: *Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of "Good Conscience" and "The Unity of Knowledge and Action"*, p. 240.

⁵⁴ Phan Bội Châu: *Quốc văn Chu Dịch diễn giải*, tr. 353. 潘佩珠：《國文周易演解》，頁 353。Phan Boi Chau: *The Vietnamese Interpretation of Zhou Yi*, p. 353.

⁵⁵ Nguyễn Đôn Phục: "Lịch sử Vương Dương Minh," tr. 143. 阮敦復：〈王陽明之歷史〉，頁 143。Nguyen Don Phuc: "History of Wang Yangming," p. 143.

⁵⁶ 楚狂：〈王陽明學說及其略傳〉，頁 3。

⁵⁷ Nguyễn Trọng Thuật: "Điều đình cái án Quốc học," tr. 376. 阮仲述：〈調停國學之案〉，頁 376。Nguyen Trong Thuat: "Mediating the Case on National Studies," p. 376.

8	〈日本之榜樣〉					X	
9	〈調停國學之案〉	X	X	X	X	X	X

來源：筆者製表

總之，陶貞一、阮伯卓等越南學者在一定的程度上已為二十世紀上半葉越南學界提供了一些從未出現於長達十個世紀的越南儒學史的知識，就是日本陽明學在特點、性質、譜系、影響等方面上的基本知識。

在筆者看來，在這些方面當中，最值得關注的是陽明學對明治維新的作用。因為這一問題不但被上述提及到日本陽明學的九部著作之七所談到的，而且其中七部著作之五的主要內容是深入研究王陽明的原始陽明學的（可以從書名看出來這一點）。這表明陽明學對明治維新的積極作用是越南近代學者非常關注的問題，也是他們在談到陽明學，尤其是日本陽明學時不可不提的內容。若是將這一學術現象置於越南當時的背景（越南淪為法國的殖民地，人民飽受飢餓和苦難，經濟社會生活都非常落後，爭取民族獨立、進行近代化等早就成為十分緊急的需求，而在思想方面上，儒教卻失去了官方的地位）中，筆者認為越南近代學者們對作為陽明學在日本遠方的支派的日本陽明學的關注必定不只是為了要深入研究陽明思想的單純學術目的。反而，對這類問題的關注或多或少一定會關係到某個為了解決時代需求的實際性目的。這一實際性目的就是尋找一個能夠促使越南的近代化、民族解放等事業的思想基礎。因為實際上，大多數提及日本陽明學的學者都對越南當時的困境表示深切擔憂，並希望能找到一條帶領國民走向獨立、解放、強大的道路。以下是越南學者的一些體現著其救國抱負的話語：「但使吾國有再造之期吾族衍千年之緒則使佩珠一旦為仇人所憾誅其罪首取其妻子而殲之發其墳墓而墟之佩珠固九泉下胡盧大哭泣書至此」（潘佩珠〈奉勸國人遊學書〉）、⁵⁸「那麼我們就要效法這個榜樣〔日本〕，以法國的光明精神為指導，若是我們看透未來，而調和過去與現在，那麼我們就能為國家的復興努力做出貢獻」（范瓊）。⁵⁹因此，當看到日本已經成功地進行近代化，脫免了變成西方的殖民地的危機，保護好寶貴的民族

⁵⁸ Phan Bội Châu: *Phan Bội Châu toàn tập (Tập 2)* (Huế: NXB Thuận Hoá, 2000), tr. 504. 潘佩珠：《潘佩珠全集（第二集）》（順化：順化出版社，2000年），頁504。Phan Boi Chau: *The Complete Works of Phan Boi Chau (Vol. 2)* (Hue: Thuan Hoa Publishing House, 2000), p. 504.

⁵⁹ Phạm Quỳnh: “Guong nước Nhật,” tr. 4. 范瓊：〈日本之榜樣〉，頁4。Pham Quynh: “The Model of Japan,” p. 4.

獨立，並「發現」陽明學是這一被視為與越南同種、同文的亞洲國家取得成功的原動力時，越南近代學者想必將其視為一個能夠幫助越南像日本一樣地成功進行近代化和民族解放鬥爭的有效辦法。對他們而言，陽明學雖然稍微陌生但是也有一定的近親關係，因為其畢竟也是長久以來深入越南人民心目中的儒家思想的一個支派，因此對陽明學的研究和接受可以說是相當順利。實際上，在「發現」陽明學的價值之後，越南近代學者已用功研究陽明學，從而撰寫了一些研究陽明學的著作。總之，越南近代學者研究陽明學，尤其是日本陽明學的目的不是出於單純的學術目的，而是為了滿足當時越南社會的緊急、實際的需求：近代化和民族獨立。

另外，令筆者不得不注意的是越南學者對日本陽明學的一些頗為誇張，令讀者不免產生懷疑的認知（信息），如：「日本士夫非常崇拜王學，以至於每個人的胸前都戴著一個跟手指一樣小的陽明雕像。每當拜訪朋友，談論學習時，都會先將陽明雕像放在高處，低著頭拜幾次，以示尊敬，然後才坐下來談話」、⁶⁰「日本士夫有『一生低首拜陽明』一句，由此可見多麼崇拜陽明之說。甚至日本人的書法也大多學著陽明的風格，也許也是出於對陽明人品和陽明學說的崇拜」。⁶¹關於前者，筆者已對江戶時代描繪當時日本人的圖畫和拍近代日本人的照片進行考察，可是目前尚未找到任何描繪胸前戴著陽明雕像的人物的圖畫或者拍胸前戴著陽明雕像的人物的照片。從此可見，即使在日本真有胸前戴著陽明雕像的人，那也不是像陶貞一所說的普遍現象（「每個人的胸前都戴著」）。關於後者，多虧受到一位台灣權威學者的指教，筆者得知井上哲次郎《武士道的本質》一書中有一些有關「一生低首拜陽明」一句的信息。據井上哲次郎的考究，「一生低首拜陽明」一句出自《傳習錄集評》，完整的句子如下：「日本學派、多宗姚江。而東鄉大將。尤為心悅誠服至有下一生低首拜陽明之句上。刻諸印章。而韋佩之。」可是，井上哲次郎認為這一信息不一定是正確的。⁶²筆者認為，即使這一信息屬實，「一生低首拜陽明」一句僅表示東鄉大將的態度，若是像阮敦復那樣陳述，很容易令人誤解為那一句代表著全體

⁶⁰ Đào Trinh Nhất: *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết tri lương tri và tri hành hợp nhất*, tr. 239. 陶貞一：《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》，頁 239。Đào Trinh Nhất: *Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of "Good Conscience" and "The Unity of Knowledge and Action"*, p. 239.

⁶¹ Nguyễn Đôn Phúc: "Lịch sử Vương Dương Minh," tr. 143. 阮敦復：〈王陽明之歷史〉，頁 143。Nguyễn Đôn Phúc: "History of Wang Yangming," p. 143.

⁶² 井上哲次郎：《武士道の本質》（東京：八光社，1942年），頁 220-221。

（或大部分）日本士夫的共同態度。總之，越南近代學者所提供的信息之中有一些缺乏確實性，不完全正確之處。

不僅如此，在對越南近代學者對日本陽明學的認知與當代中日學者有關日本陽明學的研究成果進行對比之後，筆者也發現中日當代學者對日本陽明學的認知和評價並不一致，而不只是全盤肯定的。除了一些與二十世紀上半葉越南學者的認知相當相同的看法之外，也有一些與其有所差異，甚至完全相反的看法。例如：

一是、一些學者強調陽明學重「實踐」、「實行」的特質，而岡田武彥卻表示：「稱陽明哲學為『實踐哲學、行動哲學』，而安心理得地把陽明哲學置於實踐的範圍內，把陽明學等同於實踐學，那將是十分危險的。這同樣也是對陽明學的誤解」。⁶³另外，對於大塩平八郎和吉田松陰的一些常被視為具有革命性的行為，岡田武彥認為江戶末期陽明派的學者們大多都是極其保守、深信通過道德學說和自我修養可以改造社會，並嚴厲指責那些具有暴力性和帶有英雄色彩的行為的人，因此大塩平八郎和吉田松陰的起義行為中的行動主義是非常個別的例子。⁶⁴

二是、關於日本陽明學的譜系，如今有一些學者對日本陽明學譜系的一兩位學者，一部分，甚至整個譜系提出質疑或否定的觀點。具體而言，吳震和溝口雄三對日本陽明學譜系的整個譜系提出了這樣的質疑：「所謂日本陽明學派在江戶時代是否存在這一事實本身，目前已有不少質疑的聲音」、⁶⁵「在日本，陽明學〔……〕僅零星地存在於知識界中，看不到像中國陽明學那樣在民間進行宣傳活動、具有作為學派的影響力」。⁶⁶與此同時，一些學者反對將一些人物列入陽明學派的譜系，如：永田廣志將三宅石庵視為朱子學派的人，⁶⁷而張崑將認為將吉田松陰和西鄉隆盛列入陽明學派難免有所片面，⁶⁸小島毅表示熊澤蕃山思想中幾乎沒有任何內容令他能夠承認

⁶³ 岡田武彥：〈我與陽明學〉，收入岡田武彥等：《日本人與陽明學》（北京：臺海出版社，2017年），頁44-45。

⁶⁴ Ogyu Shigehiro: "The Construction of "Modern Yomeigaku" in Meiji Japan and its Impact in China," *East Asian History*, Vol. 10, No. 20 (December 2000), pp. 90-91.

⁶⁵ 吳震：〈再論「兩種陽明學」——近代日本陽明學的問題省思〉，《社會科學戰線》，第41卷第7期（2018年7月），頁34。

⁶⁶ 溝口雄三：《李卓吾·兩種陽明學》（北京：生活·讀書·新知三聯書店，2019年），頁262。

⁶⁷ 永田廣志：《日本哲學思想史》（北京：商務印書館，1992年），頁185。

⁶⁸ 張崑將：《德川日本「忠」「孝」概念的形成與發展：以兵學與陽明學為中心》（上海：華東師範大學出版社，2008年），頁207。

熊澤蕃山是一位陽明學的學者。⁶⁹

三是、關於陽明學對明治維新的作用，不少當代學者已否定這一看法。例如：荻生茂博認為：「陽明學有功於明治維新這一想法是現代民族主義者通過將自己在現在的個人理想放照於歷史所創造出來的論點」。⁷⁰ 山村獎相當謹慎地表示至今陽明學與明治維新的背景在思想方面的關係尚未被明確地論證。⁷¹ 鄧紅卻十分斷言：「日本陽明學和明治維新沒有任何關係。『陽明學是明治維新的原動力』論只是『日本陽明學』為了抬高自己的身價製造出來的神話。〔……〕歷史事實是日本近代化的成功，全在於明治維新後的政府自上而下實行全盤西化的政策，推行富國強兵、殖產興業、廢藩置縣、文明開化等一系列改革。而這些和日本陽明學都沒有什麼關係」。⁷²

上述的情況使筆者不得不起了疑問：越南近代學者對日本陽明學的認知，尤其是那些頗為誇張，缺乏正確性的信息和至今仍然令人爭議不斷的看法是建立在什麼基礎上？這些認知是越南學者對日本陽明學進行仔細的考察之後得到的結論還是接受來自其他來源的結果？這就是筆者將會在本文的下一部分專門探討的內容。

參、二十世紀上半葉越南學者對日本陽明學的認知的來源 ——從近代東亞學術交流的背景談起

為了能找出越南近代學者對日本陽明學的認知的來源，筆者認為應該從他們對陽明學對明治維新的作用的作用的認知出發。筆者之所以如此認為是因為下述兩個理由：

第一，在越南近代學者對日本陽明學的那些認知中，肯定陽明學有助於明治維新的認知是剛剛出現的，而其他認知都可以被視為近代之前就存

⁶⁹ 小島毅：〈日本の朱子學・陽明學受容〉，《東洋學術研究》，第54卷第2號（2015年11月），頁263-264。

⁷⁰ Ogyu Shigehiro: "The Construction of "Modern Yomeigaku" in Meiji Japan and its Impact in China," p. 99.

⁷¹ 山村獎：〈明治期の陽明學理解 社會主義と明治維新との關係から〉，《東洋文化研究》，第18號（2016年3月），頁105。

⁷² 鄧紅：《日本陽明學與中國研究》（南寧：廣西師範大學出版社，2017年），頁55，59。

在的。由此可見，若是這一認知是由越南學者在親自深入研究日本陽明學後所獲得的，那麼它也只能在近代時期才出現的；若是這一認知是越南學者接受來自國外學者的認知的，其來源的年代應該離越南學者提及到日本陽明學的著作的問世年代不太遠，大致是在一八六八年明治維新爆發之後出現的，而不可能出現於遠在十七世紀的江戶時代初期。這一時間劃分將讓尋找越南近代學者對日本陽明學的認知來源的工作更加順利地進行。

第二，如上述所說，陽明學對明治維新的作用是越南近代學者特別強調的內容，也可以被視為促使越南近代學者研究陽明學，尤其是日本陽明學的根源。換言之，對這一問題的認知先在他們心目出現，而不是他們在專門研究陽明學時突然「發現」的認知。因此，在尋找越南近代學者對日本陽明學的認知的來源時，這一認知的來源是非常關鍵的問題。

在這一認定的基礎上，下面，筆者將嘗試提出一些可能性，並分別對每一種可能性進行考察和分析，看看哪一種可能性最有說服力。

一、第一種可能性：近代越南學者親自提出這一觀點

雖然這是首先要提出的可能性，但是筆者認為其說服力極弱。眾人皆知，要是想指出使某一國家的維新事業取得成功的原動力，必須經過甚為仔細、多方面的研究過程，尤其是所提出的原動力是一種哲學思想。然而，對於陽明學與明治維新的關係，筆者認為越南學者無法進行如此仔細、多方面的研究，原因是：

第一，近代越南學者無法解讀日本陽明學者的一次文獻。據筆者的了解，藤樹、蕃山等被越南近代學者視為日本陽明學派的人之著作都是用近世日本語編寫的，如：藤樹的《翁問答》和蕃山的《集義和書》。然而，當時的越南、中國留學生主要學習現代日本語。因此，即使在日本留學過，他們也不能解讀這類著作。另外，雖然越南學者所列出的日本陽明學派的譜系裡有伊藤博文、山縣有朋等近代人物，而且如藤樹《翁問答》等江戶學者的一些著作已被翻譯成現代日本語，然而因為絕大多數越南學者幾乎都不懂現代日本語，所以他們不能解讀近代人物的著作和被翻譯成現代日本語的江戶學者的著作。語言學（日語）專家阮氏越清認為：「大多數〔越南〕儒者除了漢語以外，都不會任何其他一種外語，因此他們能夠閱讀的幾乎唯一的資料是當時秘密傳入越南的漢語書，其中主要是新書的書

報。即連是潘佩珠東遊派的人，情況也差不多，他們雖然來到日本，但因不懂語言，所以所有關於日本以及外界的知識都是通過在日本出版或流傳的中國新書獲得的」。⁷³越南近代史專家陳曰義也提出同樣的看法：「幾乎所有越南士夫們都不會日語」。⁷⁴潘佩珠本人也承認：「其第一事則為言語。予於英語華語俱未嘗學習」（《獄中書》）。⁷⁵

第二，由於越南沒有研究日本陽明學的傳統，因此近代越南學者沒有可供參考的現成資料或先前學者的有關研究。數百年間，宋儒在越南儒學史上站主要地位，即使說是獨尊宋儒也不為過。反而，幾乎沒有出現過闡述或者研究陽明學等其他儒家學派的著作。陶貞一認為：

我邦越南是中國之鄰，曾常與明朝交往，但是我邦儒者從來不知王學是什麼。黎貴惇〔……〕編撰《芸臺類語》一書，其中僅有幾行提及王陽明之名而已，沒有談到學說思想。據楚狂黎興所言，直到嗣德帝初期才有海珠子，名為阮文山，號為文多居士（北寧省多牛鄉之人）開始研究王學。⁷⁶

然而，據筆者的了解，在阮文山現存的遺作中，並沒有專門研究陽明學的。⁷⁷從此可見，在當時的越南，連能用於研究中國陽明學的在地資料也

⁷³ Nguyễn Thị Việt Thanh: “Nhật Bản - Nhip cầu chuyển tải tư tưởng và văn minh phương Tây vào phương Đông,” trong Đinh Xuân Lâm (chủ biên): *Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX* (Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia, 1997), tr. 22. 阮氏越清: 〈日本: 西方思想與文明進入東方之轉口橋樑〉, 收入丁春林 (主編): 《新書與十九世紀末二十世紀初的越南社會》(河內: 國家政治出版社, 1997年), 頁22。Nguyen Thi Viet Thanh: “Japan, a Span Bridge Transferring the Western Thought and Civilization to the East,” in Đinh Xuân Lâm (ed.): *“Tan thu” and Vietnamese Society in the Period of the Late 19th Century to the Early 20th Century* (Hanoi: National Political Publishing House, 1997), p. 22.

⁷⁴ Trần Việt Nghĩa: *Tri thức Việt Nam đối diện với văn minh phương Tây thời Pháp thuộc* (Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia, 2012), tr. 112. 陳曰義: 《越南知識份子面對法屬時期的西方文明》(河內: 國家政治出版社, 2012年), 頁112。Tran Viet Nghia: *Vietnamese Intellectuals Facing Western Civilization during French Colony* (Hanoi: National Political Publishing House, 2012), p. 112.

⁷⁵ Phan Bội Châu: *Phan Bội Châu toàn tập (Tập 6)* (Huế: NXB Thuận Hoá, 2000), tr. 332. 潘佩珠: 《潘佩珠全集(第六集)》(順化: 順化出版社, 2000年), 頁332。Phan Boi Chau: *The Complete Works of Phan Boi Chau (Vol. 6)* (Hue: Thuan Hoa Publishing House, 2000), p. 332.

⁷⁶ Đào Trinh Nhất: *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết tri lương tri và tri hành hợp nhất*, tr. 240-241. 陶貞一: 《王陽明: 提倡致良知與知行合一之說的人》, 頁240-241。Dao Trinh Nhat: *Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of “Good Conscience” and “The Unity of Knowledge and Action”*, pp. 240-241.

⁷⁷ 據陳義等的研究，阮文山現存的遺作都不是專門研究陽明學之書: 《大南國語》對多領

沒有，更不用說能用於研究日本陽明學的資料。

據上面的論述，可以確定近代越南學者無法親自提出對日本陽明學的看法。那麼這些看法只能來自國外學者。

二、第二種可能性：近代越南學者接受國外學者的看法

（一）接受日本學者的看法

鄧紅等先前學者已證明陽明學是明治維新的原動力這一看法起源於近代日本陽明學運動。⁷⁸這場運動不是繼承江戶日本陽明學者的思想的學派，而是帶著國家/國粹主義精神，利用王陽明思想中「知行合一」等概念作為口號的社會運動，⁷⁹其政治目的旨在反對明治初期的歐化政策等。⁸⁰這一運動的代表人物是高瀨武次郎、井上哲次郎等。回到陽明學是明治維新的原動力的觀點，據鄧紅的考察，三宅雪嶺在一八九三年發表的《王陽明》是第一本提出這一觀點的書：⁸¹「在幕府衰藩制頹的同時，學術也隨之拘束弛

域的漢語詞語進行分類、解釋和喃譯 (Trần Nghĩa, François Gros (chủ biên): *Di sản Hán Nôm Việt Nam: Thư mục đề yếu (Tập 1)* (Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội, 1993), tr. 497) 陳義、法蘭索瓦·葛羅 (主編)：《越南漢喃遺產：書目提要（第一卷）》（河內：社會科學出版社，1993年），頁497。Tran Nghia, François Gros (ed.): *The Catalogue of Vietnamese Sino-Nom Heritages (Vol. 1)* (Hanoi: Social Sciences Publishing House, 1993), p. 497；《官箴捷錄》收錄勸當官的人要堅守仁心和節操的若干文章 (Trần Nghĩa, François Gros (chủ biên): *Di sản Hán Nôm Việt Nam: Thư mục đề yếu (Tập 1)*, tr. 616) 陳義、法蘭索瓦·葛羅 (主編)：《越南漢喃遺產：書目提要（第一卷）》，頁616。Tran Nghia, François Gros (ed.): *The Catalogue of Vietnamese Sino-Nom Heritages (Vol. 1)*, p. 616；《讀書格言》收錄中國名人在學習、選友、存心、誠實、立志、慎重、進德、處家、廉恥等方面上的格言 (Trần Nghĩa, François Gros (chủ biên): *Di sản Hán Nôm Việt Nam: Thư mục đề yếu (Tập 2)* (Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội, 1993), tr. 603) 陳義、法蘭索瓦·葛羅 (主編)：《越南漢喃遺產：書目提要（第二卷）》（河內：社會科學出版社，1993年），頁603。Tran Nghia, François Gros (ed.): *The Catalogue of Vietnamese Sino-Nom Heritages (Vol. 2)* (Hanoi: Social Sciences Publishing House, 1993), p. 603；《國文叢記》收錄越南文人的詩、文、賦等體裁的作品 (Trần Nghĩa, François Gros (chủ biên): *Di sản Hán Nôm Việt Nam: Thư mục đề yếu (Tập 2)*, tr. 680) 陳義、法蘭索瓦·葛羅 (主編)：《越南漢喃遺產：書目提要（第二卷）》，頁680。Tran Nghia, François Gros (ed.): *The Catalogue of Vietnamese Sino-Nom Heritages (Vol. 2)*, p. 680.

⁷⁸ 鄧紅：《日本陽明學與中國研究》，頁18。

⁷⁹ 鄧紅：《日本陽明學與中國研究》，頁35。

⁸⁰ 荻生茂博：〈幕末、明治陽明學與明清思想史〉，《中國文哲研究通訊》，第28卷第2期（2018年6月），頁208。

⁸¹ 鄧紅：《日本陽明學與中國研究》，頁12。

廢。維新時挺身而出的人，大多都修陽明良知學」。⁸²接著，井上、高瀨等人已接受、發展和論證這一觀點，進而肯定幕末和明治維新時期的英雄豪傑都受到陽明學的影響：「我國的陽明學派和中國的陽明學派比較的話，更富有活潑的精神，其實踐完成的事蹟，足以讓中國的陽明學者瞠目結舌。譬如熊澤蕃山、大鹽中齋等人，還有那些在明治維新前後為國家立下顯著功勳的諸多義士，他們意志堅定，具有排除萬難而勇往直前的氣概」（井上哲次郎〈井上序〉）、⁸³「在幕府沒落之時，其他的崛起之英雄豪傑還有佐久間象山、鍋島聞叟、吉田松陰、高杉東行、雲井龍雄、橫井小楠等，皆以陽明學練其心膽，提高氣格，貫道理於心肝，填忠義於骨髓，談笑生死之間，成就撼天動地之大業」（高瀨武次郎《日本之陽明學》）、⁸⁴「維新諸豪傑之驚天動地之偉業，皆是王學所賜予的」（高瀨武次郎《日本之陽明學》）、⁸⁵「維新前後的偉人豪傑，林子平、春日潛庵、高杉晉作、鍋島聞叟、雲井龍雄、佐久間象山、西鄉南州等皆由王學涵養其心術而成大業」（高瀨武次郎《精神教育陽明學階梯》）。⁸⁶那麼三宅、井上、高瀨等人的這些看法是否越南學者接受近代日本學者對日本陽明學的看法的源頭？通過對兩者有關日本陽明學的觀點進行對照，筆者發現他們有以下幾個共同點，如：

其一、關於陽明學的特質：井上、高瀨等日本學者都強調陽明學重視實行、實踐、實用的特質：「日本的學者一般比中國的學者重視實用，藤樹和王陽明以及朱子比起來，在實踐方面更加優秀」（高瀨武次郎《日本之陽明學》）、⁸⁷「陽明學派在四中學派（古學派、折衷學派、朱子學派）當中最具有實踐精神」（井上哲次郎〈井上序〉）、⁸⁸「朱子學提倡先知而後行。陽明學不信知行之先後，主張知行合一。故有朱子重學理，陽明重實踐之異同」（井上哲次郎《日本陽明學派之哲學》）、⁸⁹「只是陽明學者

⁸² 鄧紅：《日本陽明學與中國研究》，頁 12。關於原文，請見於：三宅雪嶺：《王陽明》（東京：政教社，1893 年），頁 130。

⁸³ 高瀨武次郎：《日本之陽明學》（濟南：山東人民出版社，2021 年），頁 1。

⁸⁴ 高瀨武次郎：《日本之陽明學》，頁 27。

⁸⁵ 高瀨武次郎：《日本之陽明學》，頁 29。

⁸⁶ 徐倩：〈日本明治時期的陽明學研究——以三宅雪嶺、高瀨武次郎、井上哲次郎為核心〉（武漢大學國學博士論文，2017 年），頁 49。關於原文，請見於：高瀨武次郎：《精神教育 陽明學階梯》（東京：鐵華書院，1899 年），頁 3。

⁸⁷ 高瀨武次郎：《日本之陽明學》，頁 55。

⁸⁸ 高瀨武次郎：《日本之陽明學》，頁 1。

⁸⁹ 井上哲次郎：《日本陽明學派之哲學》（濟南：山東人民出版社，2018 年），頁 2。

著書不多，理論缺乏，故從哲學角度來加以觀察，還顯得寡少淺疏。然在實踐方面可資者很多卻是不爭的事實。陽明學者論著甚少，但其行狀可取代著書，反給人不少教誨。猶如知行合一他們的主義那樣，他們在其所知之處實踐。故應該在他們的行動處發現他們所知，以代替他們的論著。是故他們的行狀也值得學者們去研究」（井上哲次郎《日本陽明學派之哲學》）。⁹⁰

其二、關於日本陽明學的譜系：據鄧紅，井上是第一位將北島雪山列入陽明學派的人，⁹¹而在近代越南學者的著作中，這一人物也被黎輿、阮敦復在談到日本陽明學時提及到的：

日本之陽明學派以中江藤樹為起點。繼之者為熊澤蕃山、北島雪山、三宅石庵、西鄉南洲等。⁹²

日本還有一個學派，叫作陽明學派；這一派是真正實學的儒者之派，先起於中村氏⁹³，然後是熊澤氏、北島氏、三宅氏、西鄉氏、東鄉氏。⁹⁴

那麼，從上述的對照，是否足以斷定近代越南學者已與井上、高瀨等日本學者有過交流或者親自閱讀過井上《日本陽明學派之哲學》、高瀨《日本之陽明學》等日文著作。依筆者看來，上述的共同點只揭示他們之間有著某種聯繫，而不能斷定越南學者直接接受了日本學者的看法。筆者之所以這樣認為，是因為下面的幾個原因：第一，與第一種可能性相同，由於不懂日語，因此近代越南學者不能解讀井上、高瀨等日本陽明學運動的學者用現代日本語編寫的原作；第二，雖然介紹西方、日本、中國的知識的「新書」、「新文」在當時越南的接受與傳播相當活躍，然而據一些先前的學者，「沒有聽說過有任何（在我國流通，用日語編寫的）日本著作，而當時對日本的了解也主要是通過漢語」。⁹⁵不僅如此，在當時傳入越

⁹⁰ 井上哲次郎：《日本陽明學派之哲學》，頁 327。

⁹¹ 井上哲次郎：《日本陽明學派之哲學》，頁 336。

⁹² 楚狂：〈王陽明學說及其略傳〉，頁 3。

⁹³ 這裡的「中村氏」應該是指「中江氏」，即中江藤樹。阮敦復有誤。

⁹⁴ Nguyễn Đôn Phục: “Lịch sử Vương Dương Minh,” tr. 143. 阮敦復：〈王陽明之歷史〉，頁 143。Nguyen Don Phuc: “History of Wang Yangming,” p. 143.

⁹⁵ Vũ Ngọc Khánh: “Tu tưởng duy tân với các thể hệ nhà nho Việt Nam,” trong Đinh Xuân Lâm (chủ biên): *Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX* (Hà Nội: NXB Chính trị

南的新書、新文當中，筆者尚未發現任何相關信息能夠證實近代日本陽明學運動所編撰的著作的中文版的存在。

若是近代越南學者沒有接受作為第一批提出陽明學是明治維新的原動力這一看法的人的日本學者的認知，那麼他們對日本陽明學的認知來自何處？據筆者的推斷，它來自直接接受日本學者的認知並將其帶回中國來傳播的近代中國學者的。

(二) 接受中國學者的看法

先前學者亦指出，明治維新的偉業引起了中國等亞洲國家的關注。許多中國人到日本留學，努力探索這一國家的成功之路。其中，不能不提到梁啟超、章太炎、孫中山、蔣介石等近代中國維新史的先驅者。通過閱讀日本當時的書籍並與日本學術界交流，他們有機會掌握日本人士對明治維新的成功原因的看法，其中有近代日本陽明學運動的學者的看法，⁹⁶通過與高瀨、井上等這一運動的學者對日本陽明學的話語，尤其是陽明學對明治維新的重要性的話語的接觸，他們已接受並將這些觀點帶回中國。⁹⁷他們對日本陽明學的話語已明確地表示了這一點，如：

其一、關於陽明學對明治維新的影響：筆者所考察的所有提及到這一問題的中國學者都對陽明學對明治維新的影響給予高度的評價：「日本維新之治，是心學之為用也」（梁啟超《論宗教家與哲學家之長短得失》）、⁹⁸「日本維新之業，全得陽明學說之功」（孫中山《孫文學說（心理建

Quốc gia, 1997), tr. 430. 武玉慶：〈維新思想與越南歷代儒者〉，收入丁春林（主編）：《新書與十九世紀末二十世紀初的越南社會》（河內：國家政治出版社，1997年），頁430。Vu Ngọc Khanh: "The Reform Thought with Vietnamese Confucian Scholars Generations," in Dinh Xuan Lam (ed.): "*Tan thu*" and Vietnamese Society in the Period of the Late 19th Century to the Early 20th Century (Hanoi: National Political Publishing House, 1997), p. 430.

⁹⁶ 例如：梁啟超與三宅雪嶺、德富蘇峰、井上哲次郎等近代日本陽明學運動的學者有所接觸（李亞：〈梁啟超與近代中日陽明學〉（北京外國語大學日語語言文學博士論文，2015年），頁157）。與此同時，梁啟超在《節本明儒學案》一書中有三次摘譯井上《日本陽明學派之哲學》。這一點足以證明梁啟超讀過井上的著作（李亞：〈梁啟超與近代中日陽明學〉，頁59-60）。

⁹⁷ 李亞：〈梁啟超與近代中日陽明學〉；鄧紅：《日本陽明學與中國研究》；荻生茂博：〈幕末、明治陽明學與明清思想史〉。

⁹⁸ 梁啟超：《梁啟超全集（第3卷）》（北京：北京出版社，1999年），頁763。

設)》)、⁹⁹「日本維新，亦由王學為其先導」(章太炎〈答鐵錚〉)、¹⁰⁰「日本從明治維新到現在〔……〕所以致強的原因，不是得力於歐美的科學，而是得力於中國的哲學。他們日本自立國以來，舉國上下，普遍學我們中國的是什麼？就是中國的儒道，而儒道中最得力的就是中國王陽明知行合一『致良知』的哲學」(蔣介石《自述研究革命哲學經過的階段》)。¹⁰¹與此同時，一些學者還指出為明治維新做出貢獻的許多人物深受陽明學(具體而言是「知行合一」之說)的影響，如：

五十年前，維新諸豪傑沈醉於中國哲學大家王陽明知行合一的學說，故皆具有獨立尚武的精神，以成此救四千五百萬人於水火中之大功。(孫中山《中國應建共和國》)¹⁰²

日本則佛教最有力焉，而其維新以前所公認為造時勢之豪傑，若中江藤樹，若熊澤蕃山，若大鹽後素，若吉田松陰，若西鄉南洲，皆以王學式後輩。(梁啟超《德育鑑》)¹⁰³

日本維新之初，其原動力皆在得力王學者三數子。(梁啟超《新民叢報》第74號)¹⁰⁴

東鄰日本，反盛行此學，明治維新的豪傑，都是得力於陸王派的學者，陸王也可以說是日本建國的功臣，他學問效力的偉大，從此可見一斑。(梁啟超《陸王學派與青年修養》)¹⁰⁵

梁啟超甚至還列出被他視為陽明學派且為明治維新做出貢獻的一些人物，最典型的是吉田松陰和西鄉隆盛：

日本自幕府之末葉，王學始大盛，其著者曰大平中齋，曰吉

⁹⁹ 秦孝儀(主編)：《國父全集(第一冊)》(臺北：近代中國出版社，1989年)，頁382。

¹⁰⁰ 上海人民出版社(編)：《太炎文錄初編》(上海：上海人民出版社，2014年)，頁386。

¹⁰¹ 秦孝儀(主編)：《總統蔣公思想言論總集(卷十)》(臺北：中國國民黨中央委員會黨史委員會，1984年)，頁534-535。

¹⁰² 秦孝儀(主編)：《國父全集(第三冊)》(臺北：近代中國出版社，1989年)，頁3。

¹⁰³ 梁啟超：《梁啟超全集(第5卷)》(北京：北京出版社，1999年)，頁1508。

¹⁰⁴ 梁啟超(主編)：《新民叢報 十一》(北京：中華書局，2008年)，頁10150。

¹⁰⁵ 梁啟超：《梁啟超談修身》(南昌：百花洲文藝出版社，2019年)，頁205。

田松陰，曰西鄉南洲，曰江藤新平，皆為維新史上震天撼地人物。其心得及其行事，與泰州學派蓋甚相近矣。（梁啟超《節本明儒學案》）¹⁰⁶

其二、關於陽明學在當時日本的情況：梁啟超、蔣介石等中國學者都肯定陽明學的盛況、日本人對這一學派的喜愛和其在日本社會的廣泛影響：

日本自幕府之末葉，王學始大盛。（梁啟超《節本明儒學案》）¹⁰⁷

當我早年留學日本的時候，不論在火車上電車上或在輪渡上，凡是在旅行的時候，總看到許多日本人都在閱讀王陽明《傳習錄》，且有很多人讀了之後，就閉目靜坐，似乎是在聚精會神，思索這個哲學的精義；特別是他陸海軍官，對於陽明哲學，更是手不釋卷的在那裏拳拳服膺。後來到書坊去買書，發現關於王陽明哲學一類的書籍很多，有些還是我們國內所見不到的，我於是將陽明哲學有關的各種書籍，盡我所有的財力都買了來，不斷的閱讀研究，到了後來對於這個哲學真是有手之舞之足之蹈之一種心領神馳的仰慕，乃知日本以蕞爾小國，竟能強大至此實得力於陽明「致良知」「即知即行」哲學的結果。（蔣介石《總理「知難行易」學說與陽明「知行合一」哲學之綜合研究》）¹⁰⁸

然而，李亞認為，近代中國學者（具體而言是梁啟超）對日本陽明學運動的話語的接受不是完整的、原封不動的，而是有所改變的，其中最重要的是：梁啟超主張中國陽明學的一個支派（具體而言是泰州學派）才是促使日本明治維新的主要原動力，而井上卻強調對幕末志士產生了積極作用的是帶有比中國陽明學更優越的特質的日本陽明學。¹⁰⁹下面是能夠說明這一點的引證：

¹⁰⁶ 梁啟超：《節本明儒學案》（北京：商務印書館，1916年），頁351-352。原文中的「大平中齋」應該是指「大鹽中齋」，梁啟超的記載有誤。

¹⁰⁷ 梁啟超：《節本明儒學案》，頁351。

¹⁰⁸ 秦孝儀（主編）：《總統蔣公思想言論總集（卷二十三）》（臺北：中國國民黨中央委員會黨史委員會，1984年），頁339-340。

¹⁰⁹ 李亞：〈梁啟超與近代中日陽明學〉，頁157。

【表五】井上與梁啟超在陽明學對明治維新的作用的問題上的不同觀點

井上	梁啟超
<p>「我國的陽明學派和中國的陽明學派相比較的話，更富有活潑的精神，其實踐完成的事蹟，足以讓中國的陽明學者瞠目結舌。譬如熊澤蕃山、大鹽中齋等人，還有那些在明治維新前後為國家立下顯著功勳的諸多義士，他們意志堅定，具有排除萬難而勇往直前的氣概」（井上哲次郎〈井上序〉）¹¹⁰</p>	<p>「唯心哲學，亦宗教之類也，吾國之王學唯心派也。苟學此而有得者，則其人必發強剛毅，而任事必加勇猛，觀明末儒者之風節可見也。本朝二百餘年，斯學銷沈，而其支流〔泰州學派〕超渡東海，遂成日本維新之治，是心學之為用也。心學者，實宗教最上乘也」（梁啟超《論宗教家與哲學家之長短得失》）¹¹¹</p>

來源：筆者製表

值得注意的是，中國學者們幾乎沒有對藤樹、蕃山等江戶時代的日本陽明學學者的思想進行考察，僅接受近代日本陽明學運動的學者的觀點。井上、高瀨等日本學者都專心考察其所認為是屬於日本陽明學派的人物的身世、著作和思想，並在其著作（《日本陽明學派之哲學》、《日本之陽明學》）摘引了不少一次文獻的原文，而梁啟超、章太炎、孫中山、蔣介石等人卻都沒有這樣做，章太炎、孫中山、蔣介石甚至沒有提到任何被視為屬於日本陽明學派的人物。筆者認為，這是因為孫中山、蔣介石等人都是政治家，因此他們所關心的其實只是找出使日本取得成功的原因，而不是以專業研究者的身分對日本哲學家們的思想進行深入的研究。因此，在發現近代日本學者的有關話語之後，他們就馬上相信並接受了日本學者的觀點，並將其傳入中國。另外，他們之所以認為中國陽明學才是明治維新的原動力（不同於井上和高瀨的觀點）有可能是意外誤解（因為他們沒有對江戶學者進行仔細的研究），也有可能是因為為了達到政治宣傳的目的而故意歪曲：肯定一個中國本土的學說的價值顯然比承認並要求中國人接受一個雖然起源於中國但後來被日本化而具有日本特色的學說更有呼籲力。

在對近代日本學者的認知、近代中國學者的認知和近代越南學者的認知進行對照之後，筆者發現越南學者的認知更接近於中國學者的認知。值得一提的是，越南學者與中國學者的認知有兩個非常相同的觀點，而這一

¹¹⁰ 高瀨武次郎：《日本之陽明學》，頁1。

¹¹¹ 梁啟超：《梁啟超全集（第3卷）》，頁762-763。

點卻與日本學者的認知是完全相反的：一是、認為對明治維新產生影響的陽明學是中國陽明學（具體而言是泰州學派），而不是日本陽明學：「日本自幕府之末葉，王學始大盛，其著者曰大平中齋，曰吉田松陰，曰西鄉南洲，曰江藤新平，皆為維新史上震天撼地人物。其心得及其行事，與泰州學派蓋甚相近矣」（梁啟超《節本明儒學案》）、¹¹²「日本人之所以喜愛王陽明之學，是因為這一學問很有實用性和毅力。尤其是上面已略述的泰州學派之學，符合於日本人的性格，所以才如此快速盛行」；¹¹³二是、認為朱舜水是陽明學派的人，並肯定其有功於將該學說傳入日本：「德川二百年，日本整個變成儒教的國民，最大的動力實在舜水〔……〕所以舜水不特是德川朝的恩人，也是日本維新致強最有力的導師。〔……〕他的學風，主張實踐，排斥談玄。〔……〕這種學風，自然是王學的反動。所以他論陽明，許以豪傑之士，但謂其多卻講學一事。〔……〕他論學問，以有實用為標準。所謂實用者，一曰有益於自己身心，二曰有益於社會」（梁啟超《中國近三百年學術史》）、¹¹⁴「在日本擴展王學的事業，有一部分是朱舜水的功勞，他是明朝遺臣的漢人，逃亡日本並於一六五七年入籍，傳播中國學術，尤其是王氏的『致良知』之學」，¹¹⁵而井上卻否認朱舜水是陽明學派的人：「還有人以朱舜水為陽明學者，這也甚為可疑。朱舜水曾對安東省庵說：『我無他長，只一誠而已。』雖然近似於良知說，並不其然，因為致誠出於《中庸》。且他曾明確地指出過陽明的弊病，不可能是陽明學者」。¹¹⁶從此可以推論，近代越南學者接受了近代中國學者對日本陽明學的觀點。這一點也幫咱們部分理解他們為何努力去研究、介紹中國王陽明的思想，而沒有深入研究和介紹那些被視為日本陽明學者的人物的哲學思想。因此，在近代越南僅出現了研究王陽明的身世和學說思想的著作，其中對日本陽明學者的學說思想的研究僅是一個篇幅很有限的部分。

¹¹² 梁啟超：《節本明儒學案》，頁 351-352。原文中的「大平中齋」應該是指「大鹽中齋」梁啟超的記載有誤。

¹¹³ Trần Trọng Kim: *Vương Dương Minh*, tr. 90. 陳仲金：《王陽明》，頁 90。Tran Trong Kim: *Wang Yangming*, p. 90.

¹¹⁴ 梁啟超：《梁啟超全集（第 15 卷）》（北京：北京出版社，1999 年），頁 4470-4471。

¹¹⁵ Đào Trinh Nhất: *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết trí lương tri và tri hành hợp nhất*, tr. 239. 陶貞一：《王陽明：提倡致良知與知行合一之說的人》，頁 239。Dao Trinh Nhat: *Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of "Good Conscience" and "The Unity of Knowledge and Action"*, p. 239.

¹¹⁶ 井上哲次郎：《日本陽明學派之哲學》，頁 325。

回到近代越南學者接受近代中國學者對日本陽明學的觀點這一假說，筆者認為若是將其置於當時越中學術交流，尤其是二十世紀上半葉越南接受中國的新書、新文的潮流的背景之中，這一假說將更有說服力。在越南被西方殖民侵略的背景下，更新、改革、獨立、解放已成為廣大愛國志士的願望。這一願望促使越南志士主動而自然地尋找和閱讀由中國學者編撰或翻譯，介紹西方學術思想、日本明治維新的偉業以及當時世界情況的「新書」、「新文」。其中，《飲冰室》、《自由書》、《新民叢報》、《建國方略之一 孫文學說 行易知難（心理建設）》、《日本維新三十年史》、《日本維新三十年慷慨史》等在不同程度提及到日本陽明學的著作已被傳入越南並在此地得到傳播。這一點在當時越南學者的著作中明顯地顯示：

予在國內，曾得讀《戊戌政變記》、《中國魂》及《新民叢報》兩三篇皆為梁啟超所著者，極羨慕其人。（潘佩珠《潘佩珠年表》）¹¹⁷

當時〔……〕康有為、梁啟超（維新派領袖）的書報漸漸傳入我國〔……〕不像以前那麼閉塞。去年有侍郎申仲和（曾去法國留學）上疏請廢科舉，在京有陶曹坡（元溥）買到了很多新書（如《戊戌政變》、《中國魂》、《日本維新三十年史》、《新民叢報》以及歐洲書籍的法文版），尤其是潘西湖先生醉心論西學（當時當任禮部承辦），我在外面沒有應試，常與西湖到陶氏家，讀了所有新書，知道世界的一些變遷，確實是從那一年開始的。（黃叔沆《黃叔沆年譜》）

118

〔梁啟超〕先生奔到日本之後，其書報中有一些傳入我國，如《清議報》、《新民叢報》、《飲冰室》、《自由書》、

¹¹⁷ Phan Bội Châu: *Phan Bội Châu toàn tập (Tập 6)*, tr. 411. 潘佩珠：《潘佩珠全集（第六集）》，頁 411。Phan Boi Chau: *The Complete Works of Phan Boi Chau (Vol. 6)*, p. 411.

¹¹⁸ Huỳnh Thúc Kháng: *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ và thơ trả lời Kỳ ngoại hầu Cường Để (Hà Nội: NXB Văn hoá thông tin, 2000)*, tr. 33. 黃叔沆：《黃叔沆年譜與答覆畿外侯彊樞之信》（河內：文化信息出版社，2000年），頁 33。Huynh Thuc Khang: *Chronicle of Huynh Thuc Khang and Reply Letter to Ky ngoai hau Cuong De (Hanoi: Cultural and Information Publishing House, 2000)*, p. 33.

《中國魂》，這些都是在我國普遍流行的。（潘魁）¹¹⁹

我常常閱讀《日本維新三十年史》。（阮仲述）¹²⁰

中華書報如《新民叢報》、《戊戌政變》、《中國魂》、《日本維新慷慨史》、《日本三十年維新史》、《泰西新史》等〔……〕這些作品都是手抄版本，沒有足腳而走遍國內，士夫們爭先抄讀。〔……〕多虧上述的文品陸續出現，國內的風氣就有了更新的趨向〔……〕。（黃叔沆《向畿外侯疆樞之回信》）¹²¹

如今看到其（孫中山）在《知難行易》一文的抱怨以及陳其美寄給黃興的信，其中指責黨內人士反對孫先生的意見，使事務失敗，才得知：建設工作之所以不成，是因為黨人不聽他的話，而不是他的主張不對。（范俊才）¹²²

另外，從上述引文的詞句，可見越南知識分子非常崇拜梁啟超、孫中山，並且很仰慕日本明治維新的事業。因此，他們通過中文書報接受梁啟超、孫中山等學者對日本陽明學的觀點也是不難解釋的。值得一提的是，上述的著作當中，《日本維新三十年史》一書中有關日本宗教（其中包括日本陽明學的內容）的部分已經被阮仲述翻譯成越南語並於一九三〇年以〈日本宗教之考〉為題在《南風雜誌》刊登。¹²³這一譯文的問世可以為後

¹¹⁹ Phan Khôi: “Cảm tưởng của đồng nhơn chúng tôi về cái tin buồn Lương Khải Siêu tiên sinh tạ thế,” *Thần chung*, 28/1/1929, tr. 2. 潘魁：〈咱們對梁啟超先生逝世之訃告的感想〉，《晨鐘》，1929年1月28日，頁2。Phan Khôi: “Our Thoughts on the Death of Mr. Liang Qichao,” *Morning Bell*, January 28, 1929, p. 2.

¹²⁰ Nguyễn Trọng Thuật: “Tinh thần duy tân của Nhật Bản,” *An Nam tạp chí*, Tập 2, Số 12 (7/1930), tr. 1. 阮仲述：〈日本的維新精神〉，《安南雜誌》，第2卷，第12期（1930年7月），頁1。Nguyen Trong Thuat: “The Reform Spirit of Japan,” *An Nam Journal*, Vol. 2, No. 12 (July 1930), p. 1.

¹²¹ Huỳnh Thúc Kháng: *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ và thơ trả lời Kỳ ngoại hầu Cường Để*, tr. 108-109. 黃叔沆：《黃叔沆年譜與答覆畿外侯疆樞之信》，頁108-109。Huynh Thuc Khang: *Chronicle of Huỳnh Thuc Khang and Reply Letter to Kỳ ngoại hầu Cuong De*, pp. 108-109.

¹²² Phạm Tuấn Tài: *Tiểu sử và học thuyết Tôn Dật Tiên: Thủ lĩnh Đảng Cách mạng Trung Hoa (Hà Nội: Nam Đồng thư xã, 1928)*, tr. 30. 范俊才：《中華革命黨首領孫逸仙之生平與學說》（河內：男同書社，1928年），頁30。Pham Tuan Tai: *Biography and Doctrine of Sun Yat-sen, the Leader of Chinese Revolutionary Party* (Hanoi: Nam Dong Press, 1928), p. 30.

¹²³ Nguyễn Trọng Thuật: “Khảo về tôn giáo Nhật Bản,” *Tạp chí Nam phong*, Quyển 26, Số 147 (2/1930), tr. 129-135. 阮仲述：〈日本宗教之考〉，《南風雜誌》，第26卷，第147期

來提及到這一問題之作提供有關日本陽明學的越南語資料。最明顯的證據就是，在題為〈日本宗教之考〉的譯文刊登於《南風雜誌》之後，阮仲述於一九三一年在海陽致知協會又有題為〈調停國學之案〉的演講，其中有一些關於日本陽明學的內容。¹²⁴另外，據陳仲金於《儒教》一書中在闡述日本陽明學之後所提供的觀點：「中方學者近期也有許多人崇拜姚江派之學。梁啟超等人極為讚揚王陽明。儒教在將來或將能興盛起來，大概就是靠著這個學問吧」，¹²⁵筆者認為在梁啟超通過新書、新文傳播於越南的知識大海中，越南學者相當關注和重視其對陽明學（很有可能包括日本陽明學）的觀點。

總之，在對近代越南學者、近代中國學者和近代日本學者對日本陽明學的認知之間的異同進行分析，並將他們的學術活動置於中日學術交流、中越學術交流的大背景中加以考察的基礎上，筆者已提出了能夠被視為越南學者對日本陽明學的認知的來源的三種可能性，並對前兩種沒有足夠說服力的可能性加以否定，進而肯定後一種可能性，就是當時越南學者接受了以梁啟超為代表的近代中國學者對日本陽明學的認知。在筆者看來，這一接受的過程有三個特點：一是，間接性的接受，即通過中國的橋樑，不是直接接受日本學者的觀點；二是，不完整性的接受，即中國學者已經改變了日本學者的原本觀點；三是，主動性的接受，即越南學者不是被強迫接受讚揚陽明學的觀點，而是由於他們對一個幾乎在越南沒人得知，如今卻被認為有功於日本維新事業的儒家學派的價值感興趣，從而努力去研究這一學派。

（1930年2月），頁129-135。Nguyen Trong Thuat: "A Study on Japanese Religion," *Nam Phong Journal*, Vol. 26, No. 147 (February 1930), pp. 129-135.

¹²⁴ Nguyễn Trọng Thuật: "Điều đình cái án Quốc học," tr. 361. 阮仲述：〈調停國學之案〉，頁361。Nguyen Trong Thuat: "Mediating the Case on National Studies," p. 361.

¹²⁵ Trần Trọng Kim: *Nho giáo* (Hà Nội: NXB Thời đại, 2012), tr. 617. 陳仲金：《儒教》（河內：時代出版社，2012年），頁617。Tran Trong Kim: *Confucianism* (Hanoi: Times Publishing House, 2012), p. 617.

【表六】在二十世紀上半葉越南問世有關日本陽明學的若干資料來源

資料來源	有關日本陽明學的若干引證
《新民叢報》	<p>「日本維新之初，其原動力皆在得力王學者三數子。」（梁啟超）¹²⁶</p> <p>「唯心哲學，亦宗教之類也，吾國之王學唯心派也。苟學此而有得者，則其人必發強剛毅，而任事必加勇猛，觀明末儒者之風節可見也。本朝二百餘年，斯學銷沈，而其支流超渡東海，遂成日本維新之治，是心學之為用也。心學者，實宗教最上乘也。」（梁啟超）¹²⁷</p> <p>「日本則佛教最有力焉，而其維新以前所公認為造時勢之豪傑，若中江藤樹，若熊澤蕃山，若大鹽後素，若吉田松陰，若西鄉南洲，皆以王學式後輩。」（梁啟超）¹²⁸</p>
《建國方略之一 孫文學說 行易知 難（心理建 設）》	<p>「日本維新之業，全得陽明學說之功」（孫中山）¹²⁹</p>
《日本維新三十 年史》	<p>「遂定以宋學為儒道正統。而中江藤樹熊澤蕃山乃盛倡王陽明知行合一之說。與之相對峙立。〔……〕當時曾申異學之禁以欲防遏此等流派。然以信仰自由。壓力卒不能強制之。且宋學自得認為正統。恃幕府護持。漸釀因循之弊。又因有明遺臣避地東來。王學光大。益以播揚於漢學者之間。大勢所趨。所謂古學。乘之而起。其學派也。不脫儒教之範圍。而又能以自由思想。發揮獨創之見。京師伊藤仁齋。實為開山始祖。彼尊崇孔子。發揮其真精神。又自出創解。標明新義。如其所著論孟古義。以一種進化主義。解釋人性仁義諸問題者也。其後復有物徂徠。創純粹現世道德說。〔……〕而</p>

¹²⁶ 梁啟超（主編）：《新民叢報 十一》，頁 10150。

¹²⁷ 梁啟超：《梁啟超全集（第 3 卷）》，頁 762-763；黃克武：〈中國近代思想中的「迷信」〉，收入鈴木貞美、劉建輝（編）：《東アジアにおける知的交流》（京都：國際日本文化研究センター，2013 年），頁 193。

¹²⁸ 梁啟超：《梁啟超全集（第 5 卷）》，頁 1508；李喜英：〈梁啟超《德育鑑》思想的現代價值〉，《齊魯學刊》，第 47 卷第 5 期（2020 年 9 月），頁 25。

¹²⁹ 秦孝儀（主編）：《國父全集（第一冊）》，頁 382。

	<p>能抱日本精神者。以水戶黃門光國卿為最有勢力。〔……〕又適有亡明遺臣朱舜水避地來歸。以其慷慨悲壯之國家思想。感化黃門。國家之義。王霸之辨。藉諸公講求。放大光明。於是水戶學風。遂著於世。公卿處士。蒙其化者甚多。至維新前。一時極盛。遂為尊王攘夷說之大主動焉。〔……〕故維新之前。水戶學風。最為強力矣。自是一轉眼而觀貝原益軒石田勘平等之人道主義。溫和馴雅。殆有春風駘蕩之觀。其始中江藤樹以良知天理為一說。知行合一。盛倡王學。主實踐躬行。化行一鄉。延及中國。時人稱之為近江聖人。繼之而起者有貝原益軒。其說教以陰陽悉本於天道。天道者何。誠也。誠心誠意。體天之道而行人之道者也。〔……〕京都有石田勘平梅巖。皆承藤樹益軒之風。」（高山樗牛）¹³⁰</p>
《日本維新三十年慷慨史》	「（梁川星巖）晚年潛心理學，嗜折中於王陽明著。」（西村三郎） ¹³¹

來源：筆者製表

肆、結語

在越南既沒有陽明學派，又沒有研究陽明學的傳統，儒教科舉制度已被取消的背景下，那些提及到作為一個在遠方的儒學支派的日本陽明學的著作突然在二十世紀上半葉越南的問世，是一個值得關注的現象。筆者的考察表明，有關的九部著作已為越南學界提供了關於日本陽明學的一些新穎知識，尤其是「知行合一」思想和中江藤樹、大塩平八郎等典型人物。這些著作的問世並不是一個以學術思想研究為目的的偶然現象，而是與近代越南學者通過研究日本維新的成功經驗，為越南找出民族獨立、解放、富強之路的願望有著密切關係。另一方面，有一定的儒學學養的近代越南學者之所以接受陽明學有大功於明治維新的觀點，並專心深入研究陽明的思想，旨在更清楚地理解明治維新的成功之原因，似乎還是因為他們很希望能憑借這一基礎來重新肯定儒教在現代社會的價值，而不甘心承認這一

¹³⁰ 高山樗牛：《日本維新三十年史（第七編）》（上海：廣智書局，1902年），頁4-5。

¹³¹ 趙必振：《趙必振譯文集（人物卷）》（北京：九州出版社，2021年），頁492。

思想已經沒落的事實。

與此同時，通過將越南近代學者對日本陽明學的認知（以陽明學對明治維新的作用的認知為中心）置於近代東亞學術交流的背景中，筆者已指出其來源。具體而言，這些認知是越南學者吸收梁啟超等中國學者對日本陽明學的觀點的，而不是他們自己提出來的。其原因是他們不懂語言（日語），不能在一次文獻的基礎上對江戶時代的日本儒者的思想進行考察，又難以閱讀當時對日本陽明學的研究著作，只能通過來自中國的新書、新文掌握新知識。

值得注意的是，由於越南近代學者沒有直接考究日本陽明學派的學者之作，而直接接受了中國近代學者的觀點，中國近代學者又不完整地接受一些日本近代學者的觀點，因此他們（越南近代學者）所提供的新知識無法幫助越南近代學界能夠正確、完整地了解日本陽明學的真实面貌。若是將這些認知與當代學界對日本陽明學的研究成果進行對照，其局限性將更加明顯。

然而，越南近代學者接受中國學者對日本陽明學的觀點這一現象在近現代東亞學術背景中仍有值得一提的意義。其表示：直到二十世紀上半葉越中在學術思想的交流仍相當密切，即使越中兩國的儒教專制政府已失去了學術方面的官方交流。這一種學術交流也表明，由於兩國共同使用漢字，中國知識分子又能夠趁早接受來自日本和西方的新思潮，因此在二十世紀上半葉，中國已成為越南學者接受外界的革新思想潮流的重要渠道之一。在此次學術交流的過程中，越南學者已主動接受中國學者有關世界思潮的新知識，旨在為越南探尋擺脫困境的革新道路。

引用書目

近人文獻

- [日] 三宅雪嶺 MIYAKE, Setsurei
1893 《王陽明》（東京：政教社，1893年）。
Oyomei (Tokyo: Seikyosha, 1893).
上海人民出版社（編）SHANGHAI'S People Press (ed.)
2014 《太炎文錄初編》（上海：上海人民出版社，2014年）。
Taiyan's Prose: First Collection (Shanghai: Shanghai's People Press, 2014).
- [日] 小島毅 KOJIMA, Tsuyoshi
2015 〈日本の朱子學・陽明學受容〉，《東洋學術研究》，第54卷第2號（2015年11月），頁248-267。
“The Reception of Zhuxi Studies and Yangming Studies in Japan,” *Oriental Academic Studies*, Vol. 54, No. 2 (November 2015), pp. 248-267.
- [日] 山村獎 YAMAMURA, Sho
2016 〈明治期の陽明學理解 社會主義と明治維新との關係から〉，《東洋文化研究》，第18號（2016年3月），頁99-118。
“Understanding of Yangming Learning in Meiji Era: From the Relation with Socialism and the Meiji Restoration,” *Oriental Cultural Studies*, No. 18 (March 2016), pp. 99-118.
- [日] 井上哲次郎 INOUE, Tetsujiro
1942 《武士道の本質》（東京：八光社，1942年）。
The Nature of Bushido (Tokyo: Hakkosha, 1942).
2018 《日本陽明學派之哲學》（濟南：山東人民出版社，2018年）。
The Philosophy of Japanese Yomeigaku (Jinan: Shandong People's Publishing House, 2018).
- [日] 永田廣志 NAGATA, Hiroshi
1992 《日本哲學思想史》（北京：商務印書館，1992年）。

History of Japanese Philosophical Thoughts (Beijing: Commercial Press, 1992).

吳震 WU, Zhen

2018 〈再論「兩種陽明學」——近代日本陽明學的問題省思〉，《社會科學戰線》，第41卷第7期（2018年7月），頁31-43。

“Re-discussion on “Two Kinds of Yangming School”: Reflecting on Problems of Modern Japanese Yangming School,” *Social Science Front*, Vol. 41, No. 7 (July 2018), pp. 31-43.

李亞 LI, Ya

2015 〈梁啟超與近代中日陽明學〉（北京外國語大學日語語言文學博士論文，2015年）。

“Liang Qichao and Yomeigaku in Modern China and Japan,” Ph. D. dissertation (Beijing Foreign Studies University, 2015).

李喜英 LI, Xiying

2020 〈梁啟超《德育鑑》思想的現代價值〉，《齊魯學刊》，第47卷第5期（2020年9月），頁25-32。

“The Modern Value of Liang Qichao’s Thinking in *Moral Education Evaluation*,” *Qilu Journal*, Vol. 47, No. (September 2020), pp. 25-32.

〔日〕岡田武彥 OKADA, Takehiko

2017 〈我與陽明學〉，收入岡田武彥（編）：《日本人與陽明學》（北京：臺海出版社，2017年），頁27-53。

“I and Yomeigaku,” in Okada Takehiko (ed.): *Japanese and Yomeigaku* (Beijing: Taihai Publishing House, 2017), pp. 27-53.

徐倩 XU, Qian

2017 〈日本明治時期的陽明學研究——以三宅雪嶺、高瀨武次郎、井上哲次郎為核心〉（武漢大學國學博士論文，2017年）。

“Research on Yang-ming Studies in Meiji Japan – Focused on Miyake Setsurei, Takejiro Takase and Inoue Tetsujiro,” Ph. D. dissertation (Wuhan University, 2017).

秦孝儀（主編）QIN, Xiaoyi (ed.)

1984 《總統蔣公思想言論總集（卷十）》（臺北：中國國民黨中央委員會黨史委員會，1984年）。

Compilation of Thoughts and Speeches of President Chiang (Vol. 10) (Taipei: KMT Party History Compilation Committee, 1984).

1984 《總統蔣公思想言論總集（卷二十三）》（臺北：中國國民黨中央委員會黨史委員會，1984年）。

Compilation of Thoughts and Speeches of President Chiang (Vol. 23) (Taipei: KMT Party History Compilation Committee, 1984).

1989 《國父全集（第一冊）》（臺北：近代中國出版社，1989年）。

The Complete Works of Father of the Nation (Vol. 1) (Taipei: Modern China Publishing House, 1989).

1989 《國父全集（第三冊）》（臺北：近代中國出版社，1989年）。

The Complete Works of Father of the Nation (Vol. 3) (Taipei: Modern China Publishing House, 1989).

[日] 高山樗牛 TAKAYAMA, Chogyu

1902 《日本維新三十年史（第七編）》（上海：廣智書局，1902年）。

30-Year History of Japanese Restoration (Vol. 7) (Shanghai: Guangzhi Press, 1902).

[日] 高瀨武次郎 TAKASE, Takejiro

1899 《精神教育陽明學階梯》（東京：鐵華書院，1899年）。

Mental Education - The Stair of Oyomei (Tokyo: Tekka Shoin, 1899).

2021 《日本之陽明學》（濟南：山東人民出版社，2021年）。

Yomeigaku of Japan (Jinan: Shandong People's Publishing House, 2021).

張崑將 ZHANG, Kunjiang

2008 《德川日本「忠」「孝」概念的形成與發展：以兵學與陽明

學為中心》（上海：華東師範大學出版社，2008年）。

The Establishment and Development of the Notions of “Loyalty” and “Filial Piety” in Tokugawa Japan: Focused on Heigaku and Yomeigaku (Shanghai: East China Normal University Press, 2008).

梁啟超 LIANG, Qichao

1916 《節本明儒學案》（北京：商務印書館，1916年）。

Abridged Cases of Learning of Ming Confucians (Beijing: The Commercial Press, 1916).

1999 《梁啟超全集（第3卷）》（北京：北京出版社，1999年）。

The Complete Works of Liang Qichao (Vol. 3) (Beijing: Beijing Publishing House, 1999).

1999 《梁啟超全集（第5卷）》（北京：北京出版社，1999年）。

The Complete Works of Liang Qichao (Vol. 5)(Beijing: Beijing Publishing House, 1999).

1999 《梁啟超全集（第15卷）》（北京：北京出版社，1999年）。

The Complete Works of Liang Qichao (Vol. 15) (Beijing: Beijing Publishing House, 1999)

2019 《梁啟超談修身》（南昌：百花洲文藝出版社2019年）。

Liang Qichao on Self-cultivation (Nanchang: Baihuazhou Literature and Art Publishing House, 2019).

梁啟超（主編）LIANG, Qichao (ed.)

2008 《新民叢報 十一》（北京：中華書局，2008年）。

Xinmin Congbao Vol. 11 (Beijing: Zhonghua Book Company, 2008).

〔日〕荻生茂博 OGYU, Shigehiro

2018 〈幕末、明治陽明學與明清思想史〉，《中國文哲研究通訊》，第28卷第2期（2018年6月）頁173-222。

“Yangming Studies from the End of the Edo through the Meiji and Ming-Qing Intellectual History,” *Newsletter of the Instit*

ute of Chinese Literature and Philosophy, Vol. 28, No. 2 (June 2018), pp. 173-222.

黃克武 HUANG, Kewu

2013 〈中國近代思想中的「迷信」〉，收入鈴木貞美、劉建輝（編）：《東アジアにおける知的交流》（京都：國際日本文化研究センター，2013年），頁185-200。

“Superstition” in Chinese Modern Thoughts,” in Suzuki Sadami, Liu Jianhui (ed.): *Intellectual Exchanges in East Asia* (Kyoto: International Research Center for Japanese Studies, 2013), pp. 185-200.

〔越〕楚狂 SỞ, Cuồng

1924 〈王陽明學說及其略傳〉，《南風雜誌》，第40卷第79號（1924年1月），頁1-3。

“The Doctrine of Wang Yangming and His Biography,” *Nam Phong Journal*, Vol. 40, No. 79 (January 1924), pp. 1-3.

〔日〕溝口雄三 MIZOGUCHI, Yuzo

2019 《李卓吾·兩種陽明學》（北京：生活·讀書·新知三聯書店，2019年）。

Li Zhuowu – Two Types of Yangming Studies (Beijing: SDX Joint Publishing Company, 2019).

趙必振 ZHAO, Bizhen

2021 《趙必振譯文集（人物卷）》（北京：九州出版社，2021年）。

Compilation of Zhao Bizhen's Translations (Beijing: Jiuzhou Press, 2021).

鄧紅 DENG, Hong

2017 《日本陽明學與中國研究》（南寧：廣西師範大學出版社，2017年）。

Japanese Yomeigaku and Chinese Studies (Nanning: Guangxi Normal University Press, 2017).

越南語

〔越〕 B.K.

1940 “Bài diếu từ đọc thay mặt Hội Phật giáo Bắc Kỳ kính viếng ông Nguyễn Trọng Thuật,” *Đuốc tuệ*, Tập 6, Số 125 (2/1940), tr. 25-26.

“The Eulogy Read on Behalf of the Buddhist Association in Northern Vietnam to Pay Tribute to Mr. Nguyen Trong Thuat,” *The Torch of Wisdom*, Vol. 6, No. 125 (February 1940), pp. 25-26.

〔越〕 ĐÀO, Trinh Nhất 陶貞一

1943 *Vương Dương Minh: Người xướng ra học thuyết tri lương trivà tri hành hợp nhất* (Sài Gòn: Tân Việt, 1943).

Wang Yangming: The One Who Advocated the Doctrine of “Good Conscience” and “The Unity of Knowledge and Action” (Saigon: Tan Viet, 1943).

2015 *Nhật Bản duy tân 30 năm* (Hà Nội, NXB Thế giới, 2015).

Thirty Years of the Restoration of Japan (Hanoi: Thế Giới Publishers, 2015).

〔越〕 ĐỖ, Đức Hiểu, NGUYỄN, Huệ Chi, PHÙNG, Văn Tửu, TRẦN, Hữu Tá (chủ biên) 杜德曉、阮慧芝、馮文酒、陳友借 (主編)

2004 *Từ điển văn học (bộ mới)* (Hà Nội: NXB Thế giới, 2004).

Dictionary of Literature (New Edition) (Hanoi: Thế Giới Publishers, 2004).

〔越〕 HUỲNH, Thúc Kháng 黃叔沆

2000 *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ và thơ trả lời Kỳ ngoại hầu Cường Để* (Hà Nội: NXB Văn hoá thông tin, 2000).

Chronicle of Huynh Thuc Khang and Reply Letter to Ky ngoai hau Cuong De (Hanoi: Cultural and Information Publishing House, 2000).

〔越〕 NGUYỄN, Bá Trác 阮伯卓

1920 “Hạn mạn du ký,” *Tạp chí Nam phong*, Quyển 7, Số 39 (9/1920), tr. 219-232.

“*Stories of Travelling*,” *Nam Phong Journal*, Vol. 7, No. 39 (September 1920), pp. 219-232.

[越] NGUYỄN, Đình Chú 阮廷注

2012 “Đào Trinh Nhất - Từ một nhà báo sáng danh đến một học giả khả kính,” trong Chuong Thau, Dao Duy Man (biên soạn): *Đào Trinh Nhất: Tuyển tập tác phẩm* (Hà Nội: NXB Lao động, 2012), tr. 1145-1153.

“Dao Trinh Nhat – From a Famous Journalist to a Respected Scholar” in Chuong Thau, Dao Duy Man (ed.): *The Selected Works of Dao Trinh Nhat* (Hanoi: Labor Publishing House, 2012), pp. 1145-1153.

[越] NGUYỄN, Đôn Phục 阮敦復

1926 “Lịch sử Vương Dương Minh,” *Tạp chí Nam phong*, Quyển 19, Số 108 (8/1926), tr. 143-153.

“History of Wang Yangming,” *Nam Phong Journal*, Vol. 19, No.108 (August 1926), pp. 143-153.

[越] NGUYỄN, Kim Sơn 阮金山

2017 “Một đặc điểm của việc tiếp nhận Nho giáo ở Việt Nam, từ khởi nguồn tới đầu thế kỷ XX (tiếp theo),” *Tạp chí Triết học*, Tập 45, Số 2 (2/2017), tr. 59-65.

“Some Characteristics of the Integration of Confucianism in Vietnam, from the Beginning to the Early 20th Century (continued),” *Philosophy*, Vol. 45, No. 2 (February 2017), pp. 59-65.

[越] NGUYỄN, Minh Tâm 阮明心

2020 “Quan niệm của Phạm Quỳnh về sứ mệnh của giới trí thức trong sự nghiệp phát triển văn hoá dân tộc,” *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Tập 56, Số 4C (8/2020), tr. 172-177.

“Pham Quynh's Conception of Intellectuals' Missions for the Development of Vietnamese National Culture,” *Can Tho University Journal of Science*, Vol. 56, No. 4C (August 2020), pp. 172-177.

[越] NGUYỄN, Thị Việt Thanh 阮氏越清

1997 “Nhật Bản - Nhip cầu chuyển tải tư tưởng và văn minh

phương Tây vào phương Đông,” trong Đinh Xuân Lâm (chủ biên): *Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX* (Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia, 1997), tr. 13-24.

“Japan, a Span Bridge Transferring the Western Thought and Civilization to the East,” in Đinh Xuân Lâm (ed.): *“Tân thư” and Vietnamese Society in the Period of the Late 19th Century to the Early 20th Century* (Hanoi: National Political Publishing House, 1997), pp. 13-24.

[越] NGUYỄN, Trọng Thuật 阮仲述

1930 “Khảo về tôn giáo Nhật Bản,” *Tạp chí Nam phong*, Quyển 26, Số 147 (2/1930), tr. 129-135.

“A Study on Japanese Religion,” *Nam Phong Journal*, Vol. 26, No. 147 (February 1930), pp. 129-135.

1930 “Tinh thần duy tân của Nhật Bản,” *An Nam tạp chí*, Tập 2, Số 12 (7/1930), tr. 1-2.

“The Reform Spirit of Japan,” *An Nam Journal*, Vol. 2, No. 12 (July 1930), pp. 1-2.

1931 “Điều đình cái án Quốc học,” *Tạp chí Nam phong*, Quyển 29, Số 167 (11-12/1931), tr. 361-387.

“Mediating the Case on National Studies,” *Nam Phong Journal*, Vol. 29, No. 167 (November-December 1931), pp. 361-387.

[越] PHẠM, Quỳnh 范瓊

1930 “Guơng nước Nhật,” *Tạp chí Nam phong*, Quyển 26, Số 146 (1/1930), tr. 1-4.

“The Model of Japan,” *Nam Phong Journal*, Vol. 26, No. 146 (January 1930), pp. 1-4.

[越] PHẠM, Tuấn Tài 范俊才

1928 *Tiểu sử và học thuyết Tôn Dật Tiên: Thủ lĩnh Đảng Cách mạng Trung Hoa* (Hà Nội: Nam Đồng thư xã, 1928).

Biography and Doctrine of Sun Yat-sen, the Leader of Chinese Revolutionary Party (Hanoi: Nam Dong Press, 1928).

[越] PHAN, Bội Châu 潘佩珠

2000 *Phan Bội Châu toàn tập (Tập 2)* (Huế: NXB Thuận Hoá, 2000).

The Complete Works of Phan Boi Chau (Vol. 2) (Hue: Thuan Hoa

- Publishing House, 2000).
- 2000 *Phan Bội Châu toàn tập (Tập 6)* (Huế: NXB Thuận Hoá, 2000).
The Complete Works of Phan Boi Chau (Vol. 6) (Hue: Thuan Hoa Publishing House, 2000).
- 2010 *Quốc văn Chu Dịch diễn giải* (Hà Nội: NXB Văn học, 2010).
The Vietnamese Interpretation of Zhou Yi (Hanoi: Literature Publishing House, 2010).
- [越] PHAN, Khôi 潘魁
- 1929 “Cảm tưởng của đồng nhơn chúng tôi về cái tin buồn Lương Khải Siêu tiên sinh tạ thế,” *Thần chung*, 28/1/1929, tr. 1-2.
“Our Thoughts on the Death of Mr. Liang Qichao,” *Morning Bell*, January 28, 1929, pp. 1-2.
- [越] PHAN, Văn Hùm 潘文虎
- 1944 *Vương Dương Minh: Thân thế và học thuyết* (Sài Gòn: Tân Việt, 1944).
Wang Yangming: Life and Doctrine (Saigon: Tan Viet, 1944).
- [越、法] TRẦN, Nghĩa, FRANÇOIS, Gros (chủ biên) 陳義、法蘭索瓦·葛羅 (主編)
- 1993 *Di sản Hán Nôm Việt Nam: Thư mục đề yếu (Tập 1)* (Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội, 1993).
The Catalogue of Vietnamese Sino-Nom Heritages (Vol. 1) (Hanoi: Social Sciences Publishing House, 1993).
- 1993 *Di sản Hán Nôm Việt Nam: Thư mục đề yếu (Tập 2)* (Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội, 1993).
The Catalogue of Vietnamese Sino-Nom Heritages (Vol.2) (Hanoi: Social Sciences Publishing House, 1993).
- [越] TRẦN, Trọng Kim 陳仲金
- 1940 *Vương Dương Minh* (Sài Gòn: Tân Việt, 1940).
Wang Yangming (Saigon: Tan Viet, 1940).
- 2012 *Nho giáo* (Hà Nội: NXB Thời đại, 2012).
Confucianism (Hanoi: Times Publishing House, 2012).
- [越] TRẦN, Viết Nghĩa 陳曰義
- 2012 *Trí thức Việt Nam đối diện với văn minh phương Tây thời Pháp thuộc* (Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia, 2012).

Vietnamese Intellectuals Facing Western Civilization during French Colony (Hanoi: National Political Publishing House, 2012).

- [越] VÕ, Thị Thanh Tùng 武氏青松, ĐẶNG, Phan Quỳnh Dao 鄧潘瓊瑤
2020 “Khát vọng canh tân đất nước của Nguyễn Bá Trác trong *Hạn mạn du kí*,” *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, Tập 17, Số 4 (4/2020), tr. 598-610.
“Nguyen Ba Trac’s Desire to Renew the Country in *Han Man Du Ki*,” *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, Vol. 17, No. 4 (April 2020), pp. 598-610.
- [越] VŨ, Ngọc Khánh 武玉慶
1997 “ Tư tưởng duy tân với các thế hệ nhà nho Việt Nam,” trong Đinh Xuân Lâm (chủ biên): *Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX* (Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia, 1997), tr. 427-440.
“The Reform Thought with Vietnamese Confucian Scholars Generations,” in Đinh Xuân Lâm (ed.): “*Tan thu*” and *Vietnamese Society in the Period of the Late 19th Century to the Early 20th Century* (Hanoi: National Political Publishing House, 1997), pp. 427-440.
- [越] VŨ, Ngọc Phan 武玉潘
1960 *Nhà văn hiện đại (quyển nhất)* (Sài Gòn: Thăng Long, 1960).
Modern Writers (Vol. 1) (Saigon: Thang Long, 1960).

英語

- [日] OGYU, Shigehiro 荻生茂博
2000 “The Construction of “Modern Yomeigaku” in Meiji Japan and its Impact in China,” *East Asian History*, Vol. 10, No. 20 (December 2000), pp. 83-120.

